

BÌNH ĐỊNH
AN NAM CHIẾN ĐỒ

平定安南戰圖

Nguyễn Duy Chính

LỜI MỞ ĐẦU

Lịch sử không thiếu những người làm nên một sự nghiệp lẫy lừng nhờ phúc ấm của tổ tiên để lại. Trường hợp đó ít nhiều đúng cho vua Càn Long, một trong ba triều đại thịnh trị nhất đầu đời Thanh. Vua Càn Long (Cao Tông) cũng là một trong những vị hoàng đế trị vì lâu nhất trong lịch sử Trung Hoa. Khi lên ngôi, ông thừa hưởng một quốc khố sung túc, một đất nước tương đối thanh bình, trù phú nên có thể nói là được “*vén tay áo sô, đốt nhà táng giấy*”. Ông xây những lâu đài tráng lệ và chủ động nhiều cuộc “*chinh phạt*” các nước chung quanh. Trong đời ông, ông đi “*kinh lý*” hơn 150 lần kể cả đi săn ở miền bắc, đi thăm lăng tẩm tiên vương ở miền đông và tuần du phương nam. Tuy cũng thực hiện được một số công trình văn hoá đáng kể nhưng những chính sách của ông, người khen cũng nhiều mà người chê cũng lắm.

Khi về già, vua Càn Long đặt cho mình cái biệt hiệu *Thập Toàn Lão Nhân*. Danh hiệu đó mang nhiều ý nghĩa về tư đức cũng như công nghiệp. Một trong những ẩn ý là ông sẽ cố đạt được mười chiến công trong thời gian trị vì. Để ca tụng cái công nghiệp “*văn thánh võ đức, trạch bị thương sinh*” của chính mình, năm 1792 vua Cao Tông làm một bài văn nhan đề “*Thập Toàn Ký*” (十全記). Cái ý tưởng đó có lẽ hình thành đã lâu trong tâm khảm nên vào những năm sau cùng của cuộc đời, vua Cao Tông cố gắng đánh đông dẹp bắc cho đủ số. Chính vì thế, hầu hết những chinh phạt của vua Càn Long đã bị các sử gia gọi là “*hollow victories*”.¹

Theo họ thì trong cái gọi là “*thập toàn võ công*” chỉ có ba lần – hai lần đánh người Chuẩn Cát Nhĩ (Dzungars) năm 1755 và 1756-57, một lần đánh người Hồi (Mohammedans) năm 1758-59 -- tạm gọi là lẫy lừng, còn những chiến dịch khác không có gì đáng nói tới.² Những lần vua Cao Tông đem quân đánh Kim Xuyên, Đài Loan, hay người Khoách Nhĩ Khách (Gaurkhas) chẳng đáng gọi là võ công mà việc gây hấn với Miến Điện và Việt Nam thì phải kể là đại bại. Việc đánh Chuẩn Cát Nhĩ và Hồi Cương tốn kém khoảng 23 triệu lượng bạc còn đánh Kim Xuyên thì tốn hơn nhiều (lần đầu khoảng 7.13 triệu, lần sau 53.5 triệu), đánh nước ta tuy ngăn ngừa cũng tốn mất 1,346,508 lượng.³ Để kỷ niệm những chiến công đó, vua Càn Long cho thợ vẽ

¹ To give things their proper perspective it must be noted that except for the conquest of Sinkiang, which was a great military accomplishment by any standard, the other victories enumerated in the Record were only police actions or localized campaigns which deserved little special recognition. Immanuel C.Y. Hsu, *The Rise of Modern China* (New York: Oxford University Press, 1975) tr. 49

² Bradley Smith và Wan-go Weng, *China – A History in Art* tr. 254

³ Lai Phúc Thuận, *Càn Long trọng yếu chiến tranh chi quân nhu nghiên cứu* (Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1984) tr. 428-30

thành 88 bức tranh, trong đó sáu bức tranh chúng tôi giới thiệu dưới đây là về chiến dịch đem quân sang đánh nước ta.⁴

⁴ Những bức tranh này đã được ông Nguyễn Quốc Vinh giới thiệu khá kỹ lưỡng trong một bài viết nhan đề “Góp thêm tư liệu mới về quan hệ chiến sự và ngoại giao Việt – Thanh thời Tây Sơn: Bộ tranh “Bình Định An Nam Chiến Đồ” có thơ đề vịnh bằng ngự bút của vua Càn Long”, Phan Huy Lê (chủ biên): *Các Nhà Việt Nam Học Nước Ngoài Viết Về Việt Nam* (Hà Nội: nxb Thế Giới, 2002) từ trang 191 đến trang 217.

LỊCH SỬ ĐỒNG BẢN HOẠ ĐỜI THANH

Ngay từ cuối thế kỷ 16, người Âu đã đem những bức tranh in theo lối đồng bản tới Trung Hoa. Đời Minh, năm Vạn Lịch thứ 10 (1582), giáo sĩ Matteo Ricci (Hán danh là Lợi Mã Đâu - 利瑪竇) tặng cho quan lại và những nhà quyền quý trong triều một số ảnh tượng. Một trong những người được tặng là Trình Đại Ước (程大約), một chuyên gia chế tạo mực và một số hình của các ảnh tượng đó được in lại trong bộ *Trình Thị Mực Uyển* (程氏墨苑). Trước đây, người Trung Hoa chỉ in bằng mực bản (khắc trên gỗ) nên thường chỉ là những nét đơn sơ, đây là lần đầu tiên họ trông thấy phép vẽ của Âu Tây làm nổi bật được bóng đen, chỗ sáng chỗ tối, chỗ lồi chỗ lõm ... trông “thật” hơn hoạ pháp bản xứ.⁵

Thế kỷ 16, 17 là thời kỳ người Tây Phương tìm cách mở rộng ảnh hưởng, vừa tìm kiếm thị trường, vừa tìm kiếm nguyên liệu. Giáo hội Thiên Chúa La Mã cũng theo xu hướng này gửi rất nhiều nhà truyền giáo đến các nước Á Đông để “mở mang nước Chúa”. Để tạo ấn tượng tốt cho dân địa phương, nhiều giáo sĩ vốn dĩ là những khoa học gia, kỹ thuật gia, hoạ gia ... được cử đi với chủ trương lấy lòng các vua chúa và giới quyền quý hầu được dành những ưu đãi bắc cầu cho công việc giảng đạo.

Năm Khang Hy thứ 52 (1713), giáo sĩ Matteo (Hán danh là Mã Quốc Hiền - 馬國賢) người Ý được chỉ định để trông coi in bộ *Ngự Chế Tị Thử Sơn Trang Tam Thập Lục Cảnh Thi Đồ* (熱河避暑山莊 三十六景詩圖) theo lối đồng bản của Âu châu khi ông làm hoạ sư trong triều. Matteo làm quan trong triều nhà Thanh 13 năm, đến năm Ung Chính nguyên niên (1723) thì về nước. Công việc của ông sau này được thuật lại trong *Cung Đình Thập Hữu Tam Niên Ký* in năm 1939.

Theo châu phê của vua Khang Hy trên các tấu triệp viết bằng tiếng Mãn Châu thì vào ngày 22 tháng 7 năm Khang Hy thứ 51 (1712), Tào Hoà Tố (造和素) là tổng giám Võ Anh Điện có tâu lên là đã hoàn tất hai quyển và đến mồng 7 tháng 8 năm đó thì hoàn tất 36 bức tranh trong bộ “*Nhiệt Hà Tị Thử Sơn Trang Tam Thập Lục Cảnh Thi Đồ*”. Những bức tranh này chiều ngang 30 cm, chiều dọc 26.5 cm vẽ 36 cảnh của khu nghỉ mát tại Nhiệt Hà, mỗi bức có tên và đề thơ. Đây là lần đầu tiên người ta phối hợp phép viễn cảnh của Âu Châu với phương pháp cổ truyền của Trung Hoa⁶. Vua Khang Hy rất

⁵ Một hoạ sĩ Trung Hoa khi nhìn thấy bức tranh bà Maria bồng Hài Đồng đã phát biểu: “*Mattéo Ricci đã mang theo một bức ảnh Chúa Trời, theo quan niệm của người Tây phương. Đó là một người đàn bà bế một đứa bé con. Lòng mày con mắt của hình vẽ, và những nếp áo trông tưởng như hình của một người đứng trước một tấm gương sáng, thật thanh thoát như có thể cử động được. Tình trạng siêu tuyệt và phong nhã đó hoạ sĩ Trung Hoa chưa đạt đến*”. René Picard, *Les Peintres Jésuites à la Cour de Chine* (Grenoble: Editions des 4 Seigneurs, 1973) tr. 82

⁶ Lối vẽ này được mệnh danh là “the Sino-European method” và được coi như hoạ pháp của triều đình nhà Thanh (Academic painting of the Qing dynasty).

hài lòng về những bức tranh này nên đã cho in ra nhiều bản để ban thưởng cho các hoàng tử, hoàng tôn, thân vương.⁷



Tây Vực Chiến Đồ

(bộ phận)

Quân Thanh dùng cung chiến thắng người Hồi sử dụng súng điểu thương. Tranh do các họa gia Tây Phương trong triều vẽ, bản khắc tại Pháp, hình ảnh sinh động khác hẳn họa pháp của Trung Hoa. (China: A History in Art, tr. 253)

Sang đời Càn Long, nghệ thuật khắc bản đồng tiến lên cao hơn một mức. Vua Cao Tông cho khắc khá nhiều tranh vẽ ghi lại các chiến thắng trong đời ông mà nổi tiếng hơn cả là bộ tranh “*Bình Định Chuẩn Cát Nhĩ Hồi Bộ Đắc Thắng Đồ*” (平定準噶爾回部得勝圖), tổng cộng 34 bức trong đó có 16 bức tranh là đồng bản, còn 18 bức là chữ viết thì khắc bản gỗ, mỗi bức chiều ngang 90 cm, chiều rộng 52 cm. Những bản vẽ đó do các giáo sĩ Tây phương đang phục vụ trong cung thực hiện, nhưng bản đồng thì không do người Trung Hoa thực hiện mà thuê người ở tận Âu Châu.

⁷ Ông Liên Khê, *Thanh Đại Cung Đình Bản Họa*, (Bắc Kinh: Văn Vật xb xã, 2001) tr. 19

Thoạt tiên triều đình nhà Thanh định nhờ người Anh khắc bản nhưng hội Truyền Giáo Ba Lê ở Quảng Châu muốn nâng cao uy tín nước Pháp nên đề nghị sứ bộ Trung Hoa ký khế ước để thợ Pháp thực hiện. Từ năm Càn Long thứ 30 (1765) là năm mà các bản vẽ đưa sang Pháp đến năm Càn Long thứ 40 (1775), toàn bộ các bản khắc đã thực hiện xong, tổng cộng nhà Thanh phải trả 20,400 livres (1 livre tương đương với 1 lượng bạc thời đó), quả là một món tiền lớn.⁸ Người có công nhất trong việc minh họa các bức tranh chính là giáo sĩ Giuseppe Castiglione (1688-1766) người Ý nổi tiếng trong triều đình, và học trò ông là họa sĩ Ignatius Sichelbart (1708-1780). Những người khác như giáo sĩ Jean-Denis Attiret (1702-1738), Jean Damascène (Joannes Damascenus Salusti, chết năm 1781) cũng đóng góp rất lớn.⁹

Sau khi có những bức tranh này, nhà Thanh cũng cải tiến cách thức in đồng bản và phần lớn những bản hiện nay còn kiếm được là do Tạo Biện Xứ (造辦處) trong cung phụng mệnh hoàng đế thực hiện. Những bức tranh từ các bản đồng chế tạo tại Pháp có mang tên của điều khắc gia, một số có ngự thi của vua Càn Long còn những bức tranh do nhà Thanh khắc so với những bức tranh khắc ở Pháp kém hơn về phẩm lại không có đề niên đại và tên họa gia, điều khắc gia. Vì không có tài liệu gì ghi lại một cách chắc chắn (ngoại trừ một số chi tiết rải rác lẫn trong các sử liệu khác) nên không ai dám chắc những bản đồng đó thực sự do nội phủ thực hiện.

Năm Càn Long thứ 42 (1777) nhà Thanh bắt đầu cho khắc bản bộ Bình Định Lương Kim Xuyên, so với bản in bên Pháp thì cây cở cũng ít hơn, hình vẽ cũng đơn sơ hơn. Nguyên tác 16 bức tranh này do Hạ Thanh Thái và Ngải Khải Mông (Ignatius Sichelbart, 1708-1780) lúc đó làm việc trong họa viện vẽ sau đó giao lại cho thợ Trung Hoa khắc bản đồng, trung bình mỗi bức bốn người phải làm việc sáu tháng. Theo các bài ngự thi của vua Càn Long trên bộ tranh này thì tất cả mất 8 năm, mãi tới năm Càn Long thứ 50 (1785) mới hoàn tất và được in ra để ban thưởng cho các quan.

Tài liệu Quân Cơ Xứ còn lưu trữ tại Cố Cung Bác Vật Viện Đài Loan ghi là lần đầu nhà vua ban cho hoàng tử, thân vương, đại thần 18 bản, lần thứ nhì 24 bản, lần thứ ba 36 bản, lần thứ tư 19 bản, lần thứ năm 4 bản. Đến năm Càn Long thứ 49 (1784), vua Càn Long có ra dụ rằng: “*Nay đem đồng bản họa đặc thắng đồ chia cho các địa phương, hành cung, tự viện để trang trí và bảo tồn*”.¹⁰ Những bức tranh này cũng được trang trí

⁸ Từ năm 1783 đến năm 1785, người Pháp đã mô phỏng các bức tranh của nhà Thanh khắc thành một bản nhỏ hơn 16 bức tranh trong bộ Bình Định Chuẩn Cát Nhĩ Hồi Bộ Đặc Thắng Đồ. Những bức tranh này hồi cuối thế kỷ 19 đã được in ra tại Nhật và Đức và vì thế có nhiều tên khác nhau tùy theo mỗi ấn bản chẳng hạn như Đại Thanh Quốc Ngự Đề Bình Định Tân Cương Chiến Đồ, Càn Long Đồng Bản Họa Chuẩn Cát Nhĩ Đặc Thắng Đồ, Cái Mai Đặc Bác Vật Quán Tàng Càn Long Chiến Tích Đồng Bản Họa, Bình Định Y Lê Hồi Bộ Chiến Đồ ...

⁹ René Picard, *sdd.* tr. 81-2

¹⁰ Ông Liên Khê, *sdd.* tr. 20

trong Nguyệt Ba Lâu trong Thanh Y Viên (清漪園) (sau đổi thành Di Hoà Viên),
Không Thuý Nham trong Tĩnh Minh Viên (靜明園), Thái Hư Thất trong Tĩnh Nghi
Viên (靜宜園) ...

ĐỒNG BẢN HOẠ

Trước đây, khi dùng gỗ để khắc bản in, người ta khắc nổi (relief) những đường nét tương tự như khắc một con dấu. Kỹ thuật này do chính người Trung Hoa tìm ra từ lâu. Năm 1907, Sir Aurel Stein đã tìm thấy ở Đôn Hoàng (Tunhuang) một bản kinh Kim Cương in năm 868 có hình Đức Phật cùng một số đồng đệ tử, đường nét tinh tế, sống động.¹¹ Thế nhưng nghệ thuật in của Trung Hoa gần như không tiến bao nhiêu trong nhiều thế kỷ vì họ đặt nặng vấn đề in chữ mà không cải tiến việc in tranh ảnh, hình vẽ. Do đó những hình mộc bản cho tới gần đây vẫn tương đối thô sơ – tương tự như các tranh gà, tranh lợn của làng Đông Hồ sản xuất để cho dân chúng trang trí mấy ngày Tết.

In nổi (the relief method)

Trong khi đó, tuy bắt chước lối in mộc bản của người Trung Hoa, các nước Tây phương luôn luôn tìm cách cải tiến nên ngay cả nghệ thuật khắc bản gỗ của họ cũng trội hơn của người Tàu nhiều. Có hai loại khắc gỗ, khắc trên gỗ mềm (woodcut) và khắc trên gỗ cứng (wood engraving). Khắc gỗ mềm dễ hơn vì những đường nét tương đối mạnh bạo và thông dụng cho đến tận thế kỷ thứ 17. Khắc trên gỗ cứng thì người nghệ sĩ dùng một loại đục nhỏ gọi là dao vương (burin hay graver), nét khắc thường chạy ngang thay vì xuôi theo thớ gỗ, khi in dùng sức ép mạnh. Những hình ảnh in bằng gỗ cứng trông rất tinh vi. Phương pháp này thịnh hành đến tận giữa thế kỷ thứ 19.

Khắc bản (the intaglio¹² methods)

Sang thời trung cổ, người Âu Châu phát minh ra phương pháp dùng kim loại để khắc bản thay vì dùng gỗ. Vào thời đó, một số nghệ sĩ đã khắc lên đồ vật kim loại và sau đó ứng dụng trong ấn loát mà nổi tiếng nhất là những đồng bản họa (copperplate engraving). Cách chế tạo bản đồng rất phức tạp, từ bản vẽ làm mẫu đến công trình điêu khắc, in lên giấy đều tốn nhiều công lao, thời giờ nên chỉ dùng để in những tác phẩm thật đặc biệt.

Thoạt tiên người ta dùng một phiến đồng lớn, đánh cho thật nhẵn và phẳng rồi khắc (engraving) lên những rãnh to nhỏ bằng dao vương (burin). Khắc rãnh có thể đẩy đục tới

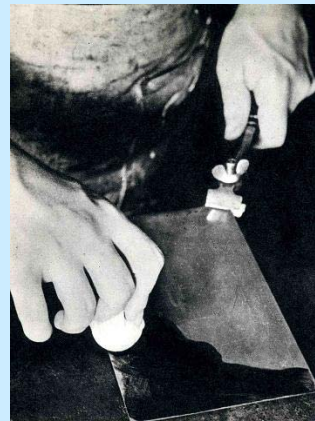
¹¹ Robert Temple, *The Genius of China – 3000 years of science, discovery and invention* (New York: Simon and Schuster, 1986) tr. 111

¹² intaglio là tiếng Ý nghĩa là khắc vào (cut in)

trước (pushed before the hand) gọi là engraving hay kéo về sau gọi là drypoint, sau đó chà sạch những dăm đồng (burr). Những rãnh người ta khắc vào sẽ chứa mực để khi ép xuống in lên giấy. Người ta cũng có thể phủ một loại sáp bảo vệ (etching ground) rồi đục những lỗ nhỏ, sau đó dùng chất cường toan (acid) để ăn mòn những lỗ đã đục (etching¹³). Để cho được mỏng và đều, người ta dùng một túi lụa chứa sáp xoa lên một bản đồng đã hơi nóng, sáp sẽ chảy ra vào thấm lên trên mặt kim loại. Nguyên thủy của thuật etching là từ các lò chế tạo áo giáp thời trung cổ.



Hình 1



Hình 2

Sau khi thoa sáp, tấm bản đồng được hun khói cho đen đi ngõ hầu người nghệ sĩ nhìn thấy được những nét khắc của mình. Phải mất rất nhiều công phu mới có những nét thật mảnh mai khiến cho bản in ra thể hiện được đậm nhạt, sáng tối. Khi in, bản đồng được lăn mực, lau cho sạch chỉ còn mực đọng trong rãnh rồi dùng máy ép xuống một tờ giấy ẩm để mực trong các khe thấm xuống giấy.



Hình 3



Hình 4

¹³ nghĩa là ăn vào (eat in) vì dùng acid soi mòn

Mỗi quy trình như vậy chỉ được một bản nên số lượng in thường nhỏ vì bản đồng dễ mòn.¹⁴

Kỹ thuật này càng ngày càng cải tiến và đến cuối thế kỷ 17, người Âu Châu in được những hình ảnh trông linh động như những bức ảnh đen trắng mà chúng ta có sau này. Những họa sĩ cũng chính tay điều khắc bản vẽ và người ta đã có những bức tranh màu rất đẹp.¹⁵ Kỹ thuật khắc và in bằng bản đồng (intaglio printing) là một bước tiến mới trong ấn loát.



Hình 5

Việc khắc bản và kỹ thuật làm bản đồng phối hợp vừa nghệ thuật, vừa kỹ thuật. Nhiều sách vở của thế kỷ 18, 19 còn tồn tại đến ngày nay cho ta thấy những hình vẽ được in rất linh động và tốn nhiều công lao. Ngoài kỹ thuật drypoint và etching, hai kỹ thuật khác là aquatint, dùng cát mịn tráng lên rồi để acid thấm xuống và mezzotint là phương pháp ngược lại với một số kỹ thuật dùng trong khắc bản drypoint cũng được áp dụng nhưng không phổ thông bằng.

Hình 1: Nghệ nhân dùng dao vuông (burin) để khắc lên bản đồng (copper engraving)

Hình 2: Phủ sáp lên bản khắc trong kỹ thuật etching

Hình 3: Dùng acid để ăn mòn bản khắc (biting)

Hình 4: Lau sạch bản khắc

Hình 5: In thử bản khắc

Tài liệu và hình ảnh trích trong Paul J. Sachs: "Chapter 10: Technical Processes", *Modern Prints & Drawings* (New York: Alfred A Knopf, 1954) từ trang 237 đến 245.

¹⁴ Về sau người ta tìm ra cách tráng một lớp sắt thật mỏng lên trên bản đồng nên có thể in được nhiều hơn, đến khi mòn lại tráng lớp khác.

¹⁵ The Random House Library of Painting and Sculpture – Volume I "Understanding Art" (New York: Random House, 1981) tr. 164-7.

Từ đó sau mỗi chiến dịch vua Càn Long lại cho vẽ và khắc bản đồng, mỗi lần khác nhau một chút về hình thức cũng như nội dung, về kỹ thuật cũng như kích thước. Một số họa gia nổi tiếng như Dương Đại Chương (楊大章), Giả Kim (賈金), Tạ Toại (謝遂), Khánh Dự Đức (慶豫德), Lê Minh (黎明) ... được đề cập đến trong các công tác này. Tranh vẽ xong cũng được các đại thần, tướng lĩnh có tham gia các chiến dịch đóng góp ý kiến để cho sát với thực tế. Tuy nhiên chi tiết hư cấu thật nhưng qua những bức tranh này, người ta cũng có thể biết một số nét chính về y phục, vũ khí và cách thức điều binh của nhà Thanh thời kỳ đó.

Tính theo thứ tự, sau bộ tranh Bình Định Chuẩn Cát Nhĩ, Thanh đình tiếp tục thực hiện bảy bộ chiến đồ khác. Tổng số tất cả các đồng bản họa về chiến tích của đời Càn Long lên đến 88 bức tranh.

Số lượng in ra cũng không hoàn toàn đồng nhất. Theo tài liệu của nhà Thanh thì bộ Bình Định Tây Vực 16 bức in lần đầu 247 bản, giao cho để trưng bày ở các nơi 138 bản, còn lại 109 bản để thưởng cho các quan, bộ Kim Xuyên Chiến Đồ 16 bức, in ra 226 bản, gửi các nơi 138 bản, thưởng dụng 88 bản, bộ Đài Loan chiến đồ 12 bức in ra 200 bản, gửi các nơi 119 bản, 81 bản để thưởng.¹⁶ Về kích thước, các bộ tranh này cũng xê xích chút đỉnh, trên dưới 50 x 87 cm nhưng không nhiều lắm. Theo như thế, bốn bộ tranh mà nhà Thanh thực hiện chỉ in ra khoảng 250 bản trở lại, còn bộ tranh Bình Định Chuẩn Cát Nhĩ làm và in tại Pháp thì không thấy in thêm.

Riêng bộ An Nam Chiến Đồ vẽ về chiến dịch đánh nước ta bao gồm 6 bức in ra 200 bản nhưng tới năm 1793 chỉ mới xong 5 bức còn bức cuối chưa hoàn tất. Căn cứ vào những bài ngự thi đề trên tranh với lạc khoản Càn Long Kỷ Dậu Trọng Thu Ngự Bút (乾隆己酉仲秋御筆) nhiều tác giả kết luận rằng bộ tranh An Nam Chiến Đồ được vẽ vào cuối năm 1789 nhân dịp Nguyễn Quang Hiển sang Yên Kinh triều cận vua Càn Long. Những bức tranh đó dựa theo những tài liệu và báo cáo của Tôn Sĩ Nghị, nhất là ý tứ từ các bài thơ của vua Cao Tông rồi sau đó mới ghép thủ bút vua Cao Tông khắc bằng mộc bản vào những chỗ trống trên bản họa.

Tên	Số bản vẽ	Năm	Kích thước	Số bản in
Bình Định Chuẩn Cát Nhĩ Hồi Bộ Đắc Thắng Đồ (平定準噶爾回部得勝圖)	16 bức	1775	55.4x90.8	247

¹⁶ Tấu thư của thị lang Y Linh A (伊齡阿) ngày 20 tháng 11 năm Càn Long 58 (1793) Ông Liên Khê, sđd. tr. 24

Bình Định Lương Kim Xuyên Đắc Thắng Đồ (平定兩金川得勝圖)	16 bức	1781	51x88.5	226
Bình Định Đài Loan Đắc Thắng Đồ (平定臺灣得勝圖)	12 bức	1792	50.5x87.4	200
Bình Định An Nam Đắc Thắng Đồ (平定安南得勝圖)	6 bức	1792	50.7x88	200
Bình Định Khoách Nhĩ Khách Đắc Thắng Đồ (平定廓爾喀得勝圖)	8 bức	1795	55x88	
Bình Định Miêu Cương Đắc Thắng Đồ (平定苗疆得勝圖)	16 bức	1795	51x88	
Bình Định Trọng Miêu Đắc Thắng Đồ (平定仲苗得勝圖)	4 bức	1798	51x88	
Bình Định Hồi Cương Đắc Thắng Đồ (平定回疆得勝圖)	10 bức	1830	52x91	

Theo kỹ thuật thời đó, chữ khắc mộc bản và được in riêng chứ không khắc trực tiếp trên bản đồng. Chi tiết và diễn tiến của chiến dịch nhà Thanh đem quân sang đánh nước ta, việc Nguyễn Huệ cầu phong và sứ bộ Nguyễn Quang Hiển sang Yên Kinh nhận sắc và ấn chúng tôi đã đề cập đến trong những biên khảo khác về đời Tây Sơn nên không nhắc lại ở đây. Người viết chỉ xin nhấn mạnh rằng tuy có một số chi tiết, địa danh, nhân danh có thể giúp chúng ta soi sáng phần nào cuộc chiến Việt Thanh (1788-89), phần lớn những miêu tả mang tính cường điệu, phóng đại không sát với thực tế lịch sử. Những trận đánh “*long trời lở đất*” mà Tôn Sĩ Nghị tâu về triều chỉ cốt biện minh cho việc tàn sát để nâng cao chiến công của ông ta và thoả mãn tự ái của vua Cao Tông. Sử nhà Thanh cũng viết là vua Càn Long rất thích những số tử vong to lớn của đối phương và nhiều lần các tướng lãnh của ông đã tàn sát các sắc dân thiểu số với ý đồ diệt chủng.

Những bài thơ và chú thích chúng tôi căn cứ vào bộ *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập* (清高宗御製詩文全集) (Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1976)

quyển 10¹⁷ và được in lại ở cuối bài để các học giả tiện đối chiếu và giúp bổ chính nếu phát hiện những sai lầm trong việc phiên âm hay dịch nghĩa.

Sáu bức hình An Nam Chiến Đồ chúng tôi chụp lại từ *Thanh Đại Cung Đình Bản Hoạ* (清代宮廷版畫) (Bắc Kinh: Văn Vật xb xã, 2001) của Ông Liên Khê (翁連溪) trang 245, 246 và 247. Một số chi tiết về kỹ thuật in đồng bản đời Thanh cũng rút ra từ quyển sách này trong phần giới thiệu. Các phụ bản về các bản hoạ được trích trong hai bức tranh lớn in lại trong cuốn *China: A History In Art* do Bradley Smith và Wan-go Weng biên soạn (San Diego: Gemini Smith, Inc., 1972) trang 252-3 và 256-7.

Nhân dịp này, chúng tôi cũng gửi lời cảm ơn chân thành đến TS Trần Huy Bích đã có nhã ý gửi tặng một bản sao bài “Góp thêm tư liệu mới về quan hệ chiến sự và ngoại giao Việt – Thanh thời Tây Sơn: Bộ tranh “*Bình Định An Nam Chiến Đồ*” có thơ đề vịnh bằng ngự bút của vua Càn Long” của Nguyễn Quốc Vinh trích từ quyển *Các Nhà Việt Nam Học Nước Ngoài Viết Về Việt Nam* do Phan Huy Lê (chủ biên) (Hà Nội: nxb Thế Giới, 2002) giúp chúng tôi có cơ hội so sánh và chỉnh đốn những sai lầm trong phiên dịch và nghĩa lý của phần chữ Hán.

¹⁷ in theo lối chụp ảnh là tập hợp 576 quyển thơ xuất bản dưới đời Càn Long được san định lại thành 100 quyển, 10 tập lớn.



Phú Lương Giang Chi Chiến

(bộ phận)

Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh vào thành Thăng Long, tôn thất nhà Lê ra hàng. Tường thành Thăng Long bằng đất, trên trồng tre theo cách thức lũy tre của miền Bắc đã được miêu tả như một thị trấn của Trung Hoa. Những hoạt cảnh khác do họa sĩ tưởng tượng. Trên cao là chữ của vua Càn Long và con dấu Cổ Hi Thiên Tử chi bảo. (China: A History in Art, tr. 256)



Phú Lương Giang Chi Chiến

(bộ phận)

Quân Thanh đang vượt sông Phú Lương (Nhĩ Hà) để tiến vào Thăng Long. Thuyền nan của Việt Nam được vẽ thành thuyền buồm của Trung Hoa. (China: A History in Art, tr. 257)

AN NAM CHIẾN ĐỒ - NGUYỄN VĂN VÀ BỔ VỊNH

補詠安南戰圖六律

(有序)

詢孫士毅安南戰事縷晰以陳，因命畫院各為之圖，補詠近體而序之曰：

安南戰圖非如伊犁，回部，金川，臺灣之始以戰而終以成功也。非以戰成功則可弗圖而圖之者，實緣我將帥之臣，軍旅之士，涉遠冒險，功堅破銳。更有抱忠損軀者，不為之圖以紀其績則予何忍。且阮惠之悔罪乞降，原因有征，斯亦未常，非始終一事耳。夫有征無戰尚矣，戰而有成功次之。

成而復變，又終於不戰而成功其事當較於戰而成功者為勝焉。

是豈人力所謀乎？

天也！

藐躬臨莅，五十四載，受天之祐，不一而足。而於安南之事復不戰而成功則予之所感激，鴻貺益深，敬畏者當。何如？間嘗論之。

使孫士毅收黎城之後，即能銳至廣南獲阮惠乎？

又如孫士毅遵旨早班師，雖無許世亨等三將之損軀，將未至我境，而黎城復失，其能不旋師以救之乎？

又如孫士毅亦同三武臣之損軀沙場，則士毅乃督戎重臣，傷國體為大，不得不興師問罪，是誠佳兵無已時矣。

且許世亨委曲護令，孫士毅振旅而還，使已亦同歸則更有說乃仍損軀疆場，其知方有勇為常人所不能。每一道及為之落淚嘉尚。至孫士毅非不知朕之獎勵功臣，賞延後世，設亦損軀則其公爵必世襲罔替。

人誰不死，且本欲衝鋒致命。迨聽許世亨之言，以國事為重寧歸而受朕之罰，而朕豈肯不諒其心，加以罰哉！

是二臣者事不同而心則同。茲事機之會，總戎振旅以歸，三將令藩國立祠酬忠。

且阮惠因有此過而畏罪求降，不勞一旅以定海邦，是皆昊運旋轉，默為呵護豈予一人思慮所能及哉。自茲以後，益深敬勤，靜待天恩，六年歸政。夫何敢更生別念乎！此補詠安南戰圖之什所由作也。

Dịch âm

BỔ VỊNH AN NAM CHIẾN ĐỒ LỤC LUẬT

(hữu tự)

Tuân Tôn Sĩ Nghị An Nam chiến sự lữ tích dĩ trần, nhân mệnh hoạ viện các vi chi đồ, bổ vịnh cận thể nhi tự chi viết:

An Nam chiến đồ phi như Y Lê, Hồi Bộ, Kim Xuyên, Đài Loan chi thủy dĩ chiến nhi chung thành công dã. Phi dĩ chiến thành công tắc khả phát đồ nhi đồ chi giả, thực lục ngã tướng soái chi thân, quân lữ chi sĩ, thiệp viễn mạo hiểm, công kiên phá nhuệ. Cánh hữu bảo trung tổn khu giả, bất vi chi đồ dĩ kỷ kỳ tích tắc dư hà nhẫn. Thả Nguyễn Huệ chi hối tội khát hàng, nguyên nhân hữu chinh, tư diệc vị thường, phi thủy chung nhất sự hĩ. Phù hữu chinh vô chiến thượng hĩ, chiến nhi hữu thành công thứ chi.

Thành nhi phục biến, hựu chung ư bất chiến nhi thành công, kỳ sự đương giáo ư chiến nhi thành công giả vi thắng yên.

Thị khởi nhân lực sở mưu hồ?

Thiên dã! Miếu cung lâm lệ, ngũ thập tứ tải, thu thiên chi hựu, bất nhất nhi túc. Nhi ư An Nam chi sự, phục bất chiến nhi thành công, tắc dư chi sở cảm kích, hồng hướng ích thâm, kính úy giả đáng. Hà như? Gian thường luận chi.

Sử Tôn Sĩ Nghị thu Lê thành chi hậu, tức năng nhuệ sự chí Quảng Nam hoạch Nguyễn Huệ hồ? Hựu như Tôn Sĩ Nghị tuân chỉ tảo ban sự, tuy vô Hứa Thế Hanh đảng tam tướng chi tổn khu, tướng vị chí ngã cảnh, nhi Lê thành phục thất, kỳ năng bất toàn sự dĩ cứu chi hồ? Hựu như Tôn Sĩ Nghị diệc đồng tam võ thân chi tổn khu sa trường, tắc Sĩ Nghị nãi đốc nhung trọng thân, thương quốc thể vi đại, bất đắc bất hưng sự vấn tội, thị thành giai binh vô dĩ thời hĩ.

Thả Hứa Thế Hanh uỷ khúc hộ lệnh, Tôn Sĩ Nghị chấn lữ nhi hoàn, sử dĩ diệc đồng qui, tắc cánh hữu thuyết nãi nhưng tổn khu cương trường, kỳ tri phương hữu dũng vi thường

nhân sở bất năng. Mỗi nhất đạo cập, vị chi lạc lệ gia thượng. Chí Tôn Sĩ Nghị phi bất tri trăm chi tướng lệ công thần, thưởng diên hậu thế, thiết diệc tổn khu, tặc kỳ công tước tất thế tập võng thế.

Nhân thủy bất tử, thả bản dục xung phong chí mệnh. Đãi thính Hứa Thế Hanh chi ngôn, dĩ quốc sự vi trọng ninh qui nhi thụ trăm chi phạt, nhi trăm khởi khảng bất lượng kỳ tâm, gia dĩ phạt tai? Thụ nhị thần giả, kỳ sự bất đồng, nhi tâm tặc đồng. Tư sự cơ chi hội, tổng nhung chán lữ dĩ qui, tam tướng lệnh phiên quốc lập từ thù trung.

Thả Nguyễn Huệ nhân hữu thử quá nhi úy tội cầu hàng, bất lao nhất lữ dĩ định hải bang, thị giai hao vận toàn chuyển, mặc vi ha hộ, khởi dư nhất nhân tư lự sở năng cập tai? Tự tư dĩ hậu, ích thâm kính cần, tĩnh đãi thiên ân, lục niên qui chính. Phù hà cảm cánh sinh biệt niệm hồ! Thử bỏ vịnh An Nam chiến đồ chi thập, sở do tác dã.

Dịch nghĩa

Sau khi hỏi cận kề Tôn Sĩ Nghị về chiến sự nước An Nam, ta sai họa viên vẽ các đồ hình rồi làm thơ để vịnh thêm, viết lời mở đầu như sau:

Chiến cuộc ở An Nam không giống như tại Y Lê, Hồi Bộ, Kim Xuyên, Đài Loan là chiến tranh mà sau thành công. Không phải dùng đến chiến tranh mà vẫn thành công thì đâu cần vẽ lại, còn cho vẽ đồ hình ấy là để ghi công bày tội, tướng soái, quân lính đi xa xôi, vào nguy hiểm để tấn công vào nơi kiên cố, xông pha nơi mũi nhọn. Cũng có kẻ vì lòng trung mà thiệt mạng, ta nở lòng nào không cho vẽ lại để ghi kỳ tích hay sao? Thế nhưng kẻ gây ra cuộc chinh phạt kia là Nguyễn Huệ đã biết hối tội xin hàng cũng không phải là việc thường, nên cái nguyên uỷ lúc đầu sau cùng cũng đạt được vậy. Phàm phải chinh phạt mà không cần đến chiến trận là hay hơn cả, còn đánh mà thành công mới chỉ là thứ hai.

Việc xong rồi lại xảy ra biến cố, nhưng sau không cần phải đánh mà vẫn thành công, so với việc phải chiến tranh mới được còn tốt đẹp hơn.

Việc đó do người mưu tính được sao?

Ấy là trời đó! Trời cao ngó xuống cho ta năm mươi bốn năm, không phải chỉ một lần được ơn trên giúp đỡ. Việc nước An Nam không phải đánh mà thành công ta cực kỳ cảm kích, hồng phúc thật dày, quả khiến kính sợ. Sao thế? Ta vẫn thường suy luận rằng:

- Nếu như Tôn Sĩ Nghị sau khi thu phục Lê thành, lập tức đánh thẳng vào Quảng Nam bắt Nguyễn Huệ thì sao?

- Còn như Tôn Sĩ Nghị tuân chỉ sớm ban sư, tuy bọn Hứa Thế Hanh ba tướng không bỏ mạng nhưng khi (rút về) chưa đến biên cảnh mà Lê thành lại mất rồi, không lẽ không đem quân quay lại cứu hay sao?
- Nếu Tôn Sĩ Nghị cùng ba tướng đều bỏ mạng nơi sa trường, Sĩ Nghị là trọng thần chỉ huy quân mã, tổn thương quốc thể quá lớn, không thể không hưng binh vấn tội, việc binh lửa không biết rồi sẽ đến đâu?

Cũng nhờ Hứa Thế Hanh cam chịu theo lệnh nên Tôn Sĩ Nghị chấn chỉnh quân lữ rút về chứ nếu cả hai cùng về cả, thì tuy là không bỏ thầy nơi biên cương nhưng có ai biết đến cái dưng cảm mà người thường không thể bì kịp. Mỗi khi nghĩ đến ta lại bùi ngùi rơi lệ. Còn Tôn Sĩ Nghị thì đâu phải không biết trăm tướng lệ công thần, thưởng đến các đời sau, nếu như bỏ mình thì con cháu đời đời thế tập công tước.

Người ta ai mà không chết, hưởng chi y cũng muốn xung phong cho đến chết nhưng vì nghe lời của Hứa Thế Hanh, lấy việc nước làm trọng nên đành quay về để chịu cho trăm trách phạt, nhưng đâu phải trăm không có lượng bao dung mà còn bắt tội hay sao?

Hai kẻ bầy tôi kia, việc không giống nhau nhưng lòng cùng là một. Cũng nhờ có cơ hội này, người đứng đầu đoàn quân có thể đưa được quân quay về mà ba tướng cũng có đền thờ nơi biên quốc để ghi nhớ tấm lòng trung.

Nguyễn Huệ cũng vì thế sợ tội cầu hàng, không tốn công một đội quân mà định được hải bang, quả là vận may xoay chuyển, mặc nhiên che chở chứ đâu phải một mình ta tính toán mà được đâu!

Từ nay trở đi ta càng thêm kính cẩn, chờ đợi ơn trời để mong sáu năm nữa sẽ qui chính. Ta há chẳng nghĩ đến việc ly biệt ngay khi còn sống hay sao? Những lời bổ vịnh cho các bậc An Nam chiến đồ do đó mà làm vậy.

Nguyên văn

阮惠復至黎城，黎維祁仍棄其國可謂變出不意然。予調福康安為兩廣總督，仍將集兵聲討。迨阮惠再四籲懇，又遣親姪阮光顯詣福康安處資表求降。

福康安察其情形，實出至誠，然後據情入告。予因思黎維祁不能立國，既徵天心厭棄，而中朝又不利其土地，即使集兵聲討，亦不過歸於降服而究，未必即服其心，則何如？

此之不戰而屈者，發於中誠，葳功寧眾，轉為大順之機。是更足以見天心之佑。予躬實為至厚耳。

予自定伊犁，平回部，剿金川以至近日戡定臺灣之役，皆經指授機要，戰無不克，攻無不取，以成此數大功。蓋戡亂伐暴，難言偃武，則雖不能有征無戰而俱獲成功，要皆天心佑順，乃克臻此。

Dịch âm

Nguyễn Huệ phục chí Lê thành, Lê Duy Kỳ nhưng khí kỳ quốc, khả vị biến xuất bất ý nhiên. Dư điều Phúc Khang An vi Lương Quảng tổng đốc, nhưng tướng tập binh thanh thảo. Đãi Nguyễn Huệ tái tứ dụ khẩn, hựu khiến thân điệt Nguyễn Quang Hiển nghê Phúc Khang An xử tư biểu cầu hàng.

Phúc Khang An sát kỳ tình hình, thực xuất chí thành, nhiên hậu cứ tình nhập cáo. Dư nhân tư Lê Duy Kỳ bất năng lập quốc, ký trưng thiên tâm yếm khí, nhi Trung triều hựu bất lợi kỳ thổ địa, tức sử tập binh thanh thảo, diệc bất quá qui ư hàng phục nhi cứu, vị tất tức phục kỳ tâm, tắc hà như?

Thử chi bất chiến nhi khuất giả, phát ư trung thành, siển công ninh chúng, chuyển vi đại thuận chi cơ. Thị cánh tức dĩ kiến thiên tâm chi hựu. Dư cung thực vi chí hậu nhĩ.

Dư tự định Y Lê, bình Hồi Bộ, tiểu Kim Xuyên, dĩ chí cận nhật kham định Đài Loan chi dịch, giai kinh chỉ thụ cơ yếu, chiến vô bất khắc, công vô bất thủ, dĩ thành thử sở đại công. Cái kham loạn phạt bạo, nan ngôn yển võ, tắc tuy bất năng hữu chinh vô chiến nhi câu hoạch thành công, yếu giai thiên tâm hựu thuận, nãi khắc trần thử.

Dịch nghĩa

Nguyễn Huệ quay trở lại Lê thành, Lê Duy Kỳ bỏ nước (mà chạy), việc đó quả là không dự liệu được. Ta đưa Phúc Khang An sang làm tổng đốc Lương Quảng, tập trung binh lính, điều động tướng sĩ để chinh phạt. Thế nhưng Nguyễn Huệ nhiều lần khẩn khoản xin hàng, lại sai cháu ruột là Nguyễn Quang Hiển đến tận nơi Phúc Khang An dâng biểu.

Phúc Khang An xem xét tình hình thấy quả là thành thực nên cứ thế mà tâu lên. Ta nghĩ Lê Duy Kỳ không thể lập quốc nên lòng trời ghét bỏ mà triều đình thì không màng đến cái lợi đất đai, việc tập trung binh lực để chinh phạt cũng không ngoài mục đích bắt y hàng phục, (có thắng) chưa chắc đã chinh phục được lòng người thì biết làm sao?

Vậy mà không cần đánh vẫn khuất được là do lòng thành, xiển dương công lao, người người an ổn biến thành cơ hội đại thuận. Như thế hẳn thấy được đây là ý trời, đủ biết phúc của ta thật là dày vậy.

Ta từ khi bình định Y Lê, Hồi Bộ, tiễu trừ Kim Xuyên, rồi mới đây lại dẹp yên Đài Loan, cũng đều hoạch định ra những điều cơ bản, không lần đánh nào không đạt được, không lần công nào mà không thu được nên mới đạt được mấy chiến thắng lớn như thế. Việc trừ loạn phạt bạo khó nói là không dùng đến võ lực nên chẳng thể hữu chinh vô chiến (đem quân đi mà không đánh) mà gặt hái được thành công, nhưng phải thuận theo lòng trời thì mới có thể được như thế.

Lời bàn

Sử nhà Thanh khi chép về việc đem quân sang đánh nước ta đã nhấn mạnh vào một chi tiết. Đó là khi nghe tin quân Tây Sơn tiến ra Bắc, Tôn Sĩ Nghị đã muốn đích thân chỉ huy quân Thanh ngự địch mặc dù nhiều tin tức bất lợi từ khắp các mặt trận, kể cả tin vua Lê đã cùng gia quyến bỏ trốn.

Khi thấy Tôn Sĩ Nghị khăng khăng một trận tử chiến, Hứa Thế Hanh đã ghìm cương ngựa của tổng đốc đại thần và đưa ra lý lẽ rằng nếu như chẳng may họ Tôn tử trận thì sẽ nhục cho quốc thể và khuyên Tôn nên vì nghĩa lớn mà chỉ huy việc rút lui, có các tướng (Tôn) Khánh Thành và Lý Hoá Long hộ tống. Cực chẳng đã, Tôn Sĩ Nghị phải vượt cầu phao sông Nhĩ Hà và Hứa Thế Hanh, Thượng Duy Thăng, Trương Triều Long ở lại chiến đấu cho tới chết. Dật sự này được nhắc lại trong khá nhiều sách vở, chính sử cũng như dã sử.

Thanh Đại Danh Nhân Dật Sự Tập Lãm (清代名人軼事輯覽)¹⁸ tập II từ trang 930 đến 931 có chép như sau:

Hứa Thế Hanh ra sức can ngăn Tôn Sĩ Nghị

Hứa Tráng Liệt tên là Thế Hanh, người Thành Đô, tổ tiên người Hồi. Ông xuất thân binh nghiệp, khi đánh Kim Xuyên lập công lên đến Chuyên Khố. A Văn Thành có ý coi trọng, ông nói:

- Kể võ thần hiểu được đại nghĩa chỉ duy một mình Hứa mới mà thôi.

Sau lên làm đề đốc Quảng Tây. Đến khi quốc vương nước An Nam là Lê Duy Kỳ bị chúa đất Thanh Hoá là Nguyễn Quang Bình đánh đuổi, gỡ cửa quan cầu viện, khi đó Tôn Văn Tĩnh Sĩ Nghị là tổng đốc đất Quảng, tự cho là mình có tài cầm quân nên chủ ý dụng binh. Ông nói:

¹⁸ Lý Xuân Quang(李春光)(Bắc Kinh: Trung Quốc Xã Hội Khoa Học xb xã, 2004) (6 tập)

- Đem quân đánh bọn Man Di, bậc vương giả cũng không trị nổi. Một khi binh liên hoạ kết, không biết đến bao giờ mới dứt được.

Tôn không nghe lời ấy, đem quân hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây chinh phạt. Nguyễn Quang Bình lúc đầu bất ngờ thấy vương sư đến, binh ít nên quay về Thanh Hoá điều thêm quân. Tôn công vì thế nên thắng lớn. Vào được Lê thành liền chiếm lấy cung vua, chỉ lo uống rượu làm thơ chẳng coi quân địch vào đâu. Ông can rằng:

- Quân ta thâm nhập trọng địa, cũng nên thận trọng. Hưởng chi Quang Bình chưa đánh đã rút lui, e có điều không ngờ được, chi bằng nhân lúc địch chưa ra, đem quân trở về, ấy là thượng kế.

Tôn đáp:

- Cái tính toán của kẻ sĩ, người sao mà biết được.

Đến khi Quang Bình kéo binh trở lại, Duy Kỳ nhanh chân bỏ nước chạy trước, thế giặc dừng mảnh, Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt lập cập, đã toan chịu chết. Ông (Hứa Thế Hanh) ghìim ngựa họ Tôn lại can rằng:

- Ngài là đại thần, nếu như bị thương tổn, e quan hệ đến quốc thể. Thế Hanh này là một kẻ võ phu, may được bề trên tri ngộ, lên đến chỗ cầm cờ mao, đem thân tuấn quốc cũng phải rồi.

Ông ra lệnh cho chư tướng bảo vệ Tôn Sĩ Nghị trở về quan ải, một mình đem mấy trăm quân ra đánh, bị địch giết chết. Quang Bình đem quân đuổi theo Văn Tĩnh đến sông Phú Lương, sắp bắt kịp nguyên soái bên ta, tổng binh Thượng Duy Thăng là hậu duệ của Bình Nam Vương, tuổi trẻ hăng hái, đem binh ra chống cự. Đánh đến khi trời sáng, Thượng đâm chết được mấy chục người, máu nhuộm đỏ cả áo giáp. Về sau viện binh không tới kịp bèn rút kiếm ra than rằng:

- Trượng phu được chết (ở sa trường), ấy là thoả chí rồi. Thế nhưng không chết về tay đại địch mà chết ở trong tay đứa tầm thường, không khỏi ổng cái dửng của ta, chi bằng để khởi nhục cho tiên thế vậy.

Nói xong cửa cổ tự tử. Tôn Sĩ Nghị liền chặt cầu, chặt vật lăm mới đem được tàn quân chạy về đến cửa quan, tổng binh Trương Triều Long, Lý Hoá Long trước sau cũng bị giết, bao nhiêu lương thực, khí giới đều bị địch lấy hết.

Khi nghe chuyện đó, Thuần Hoàng Đế (tức vua Càn Long) cho là ông biết đại thể, hết sức thương tiếc, phong tước Tráng Liệt Bá, đem vào thờ ở Chiêu Trung Từ. Con ông là Quân Môn Công Văn Mô được tước thị vệ, làm đến đề đốc Phúc Kiến, trong chiến dịch Xuyên, Sở cũng rất dũng cảm quả là thế gia.

(trích trong Khiếu Đình Tục Lục-嘯亭續錄, quyển 2)

Diễn tiến trên quả là đẹp như một câu chuyện trong tiểu thuyết. Không ít người đã tốn giấy mực để dựng thành một trang sử trung nghĩa và chính vua Càn Long – như đã ghi ở trên – cũng ngậm ngùi rơi lệ khi nhắc đến những trung thần đã bỏ mạng trong cuộc Nam chinh. Sự thực đó như thế nào?

Thực tế, trận đánh mùa Xuân năm Kỷ Dậu không oai hùng như thế. Các sử gia Trung Hoa sau này đều đồng ý một điểm: Tôn Sĩ Nghị là kẻ tham sinh úy tử, vừa nghe tin quân Tây Sơn kéo đến đã bỏ chạy trước, các tướng nhà Thanh hốt hoảng chạy theo. Khi vừa thoát nạn qua khỏi sông Nhĩ Hà, Tôn Sĩ Nghị liền sai người chặt đứt cầu phao khiến cho toàn bộ binh sĩ và tướng lĩnh dưới quyền bị kẹt lại bên kia sông, một số tử trận, một số chen nhau rơi xuống sông chết đuối. Các tướng nhà Thanh đều chết mất xác, không thấy nói gì đến việc tống táng, mộ phần ngoại trừ những nấm mồ tập thể chất thành gò ở ngoại ô Thăng Long. Những chuyện anh hùng được miêu tả đều chỉ là tưởng tượng mà thôi.¹⁹

Chu Viễn Liêm (周遠廉) trong Càn Long Hoàng Đế đại truyện (乾隆皇帝大傳) đã nhận xét rất mỉa mai như sau:

... Theo tấu thư của họ Tôn thì “ngày mồng hai tháng giêng, Lê Duy Kỳ đến báo tin rằng quân nhà Lê trấn đóng ở mặt nam đã bị Nguyễn quân tiến đánh, phao tin rằng để trả thù rửa hận, Tôn vội vàng sai quân đi ngăn địch. Lê Duy Kỳ nghe tin Nguyễn Huệ đích thân tới, lòng tan dạ nát, tay bồng con thơ, dắt mẹ chạy trốn qua sông Phú Lương khiến cho tình thế hoảng loạn, dân chúng cũng ùn ùn bỏ chạy”. Còn Tôn và đề đốc Hứa Thế Hanh dẫn binh kháng cự, nhưng quân Nguyễn đông quá “đem đại binh vây kín bốn bề”, khiến Tôn phải “vượt trùng vi thoát ra”, rồi sau đó “từ từ rút quân theo phù kiều về phía bắc nạn”. Tổng binh Lý Hoá Long đi đến giữa cầu “trượt chân rơi xuống sông”, đề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, tham tướng Dương Hưng Long, Vương Tuyên, Anh Lâm và du kích Minh Trụ không qua cầu kịp, hiện nay không biết tin tức. Số quân dẫn theo được nhập quan tổng cộng chỉ còn ba nghìn vài

¹⁹ Xem thêm “Trận Kỷ Dậu” của Nguyễn Duy Chính.

trăm người. Thỉnh cầu hoàng thượng cách chức trị tội “để răn đe kẻ không biết cách điều quân”.

Tôn Sĩ Nghị hiển nhiên che dấu cái tội tham sống sợ chết, hốt hoảng bỏ chạy của mình. Y thực ra tìm đường chạy trốn chết lấy đâu ra “vượt trùng vi thoát ra” để mà “từ từ rút quân theo phù kiều”. Tổng binh Lý Hoá Long đã từng đi đánh Miến Điện, bình Kim Xuyên, tiểu Đài Loan bao nhiêu trận lớn, nhiều lần lập được công lao, từ đô ti lên đến tổng binh, chứ có phải là đứa trẻ lên ba để đến nỗi đi qua cầu trượt chân rơi xuống nước, rõ ràng là đào binh, bại tướng chen lấn nhau ngã xuống sông chết đuối. Còn như bọn Hứa Thế Hanh “không qua cầu kịp” đến nay chưa biết tin tức vì có còn cầu đâu mà qua, tổng đốc đại nhân chỉ lo bảo toàn tính mệnh cho mình nên sai quân chặt đứt rồi.

Tôn Sĩ Nghị không hổ danh xuất thân tiến sĩ, đã từng làm chương kinh (thư ký của nhà vua) trong Quân Cơ Xứ, giỏi nghề viết tấu triệp nên biến cái tội tầy đình tham công vi chí, khinh địch chết tướng, sợ chết bỏ chạy của mình cho nhỏ lại, thêm mắm thêm muối vào cái việc điều quân không đúng phép, lời lẽ thật đáng xấu hổ, lòng dạ thật đáng trách cứ ...²⁰

Trong khi đó, vua Càn Long vẫn tưởng rằng quân Thanh đã anh dũng đánh một trận long trời lở đất, các tướng ai nấy tận trung báo quốc nên ghi trong tự ngôn những điều ở trên, căn cứ vào những gì người ta muốn cho ông nghe chứ không phải là sự thật.

²⁰ Hà Nam nhân dân xb xã, 1996 tr. 591-2



BỨC TRANH THÚ NHẤT

嘉觀訶戶之戰圖

Gia Quan Ha Hộ chi chiến đồ

Nguyên văn

孫士毅出鎮南關，在諒山分兵兩路，一由枚坡，令參將張純等至嘉觀路會齊，一由江漢，令總兵張朝龍等經趨三異柱右等處，嘉觀屯聚。多人一聞大兵勢盛望風驚逸，而不從亂之。土官率領土民數百人俯伏投順。自此經過嘉觀，奮力剿殺，或蹠而降，或抗而殲，或擒而戮。追至訶戶地方，山谷峻隘，適張朝龍截其去路，會合夾攻，剿殺不可勝計。

Dịch âm

Tôn Sĩ Nghị xuất Trấn Nam Quan, tại Lạng Sơn phân binh lưỡng lộ, nhất do Mai Pha, lệnh tham tướng Trương Thuần đẳng chí Gia Quan lộ hội tề, nhất do Giang Hán, lệnh tổng binh Trương Triều Long đẳng kính xu Tam Dị, Trụ Hữu đẳng xứ, Gia Quan truân tụ. Đa nhân nhất văn đại binh thế thịnh, vọng phong kinh dật nhi bất tùng loạn chi. Thổ quan suất lãnh thổ dân số bách nhân phủ phục đầu thuận. Tự thử kinh quá Gia Quan, phần lực tiểu sát, hoặc ký nhi hàng, hoặc kháng nhi tiêm, hoặc cầm nhi lục. Truy chí Ha Hộ địa phương, sơn cốc tuấn ải, thích Trương Triều Long tiết kỳ khứ lộ, hội hợp giáp công, tiểu sát bất khả thắng kế.

Dịch nghĩa

Tôn Sĩ Nghị ra khỏi Trấn Nam Quan, đến Lạng Sơn chia binh ra làm hai ngả, một do Mai Pha, sai tham tướng Trương Thuần (hẹn) sẽ gặp lại ở Gia Quan, một do Giang Hán, sai tổng binh Trương Triều Long theo hướng Tam Di, Trụ Hữu cũng gặp ở Gia Quan. Nhiều người nghe tin đại binh thế mạnh, hoảng loạn không nghe lệnh, thổ quan dẫn mấy trăm người ra gục đầu qui thuận.

Từ đó đi qua Gia Quan, ra sức chém giết khiến cho kẻ thì quì xuống đầu hàng, chống lại thì bị thua, bị bắt thì xử tử. Đuổi theo đến Ha Hộ, gặp chỗ hốc núi chênh vênh, Trương Triều Long liền chặn đường rút, hai bên giáp công, giết không biết bao nhiêu mà kể.

Nguyên văn

河邊求救恤諸營
無外王師事有征
禁旅不須七萃發
總戎惟帥兩疆兵
持危治亂原出正
丹食壺漿多順迎
螳臂挪當大車轍
嘉觀一戰赫先聲
乾隆己酉仲秋御筆

Dịch âm

Hà biên cầu cứu tuất chư quỳnh
Vô ngoại vương sư sự hữu chinh
Cấm lữ bất tu thất tuy phát
Tổng nhung duy soái lưỡng cương binh
Trì nguy trị loạn nguyên xuất chính
Đan thực hồ tương đa thuận nghênh
Đường tí na đương đại xa triệt
Gia Quan nhất chiến hách tiên thanh
Càn Long Kỷ Dậu trọng thu ngự bút

Dịch nghĩa

Xót thương cho kẻ bơ vơ bên sông cầu cứu
Vương sư chinh phạt không ngoài những việc như thế
Không phải đợi đến quân của triều đình
Chỉ cần đốc suất hai vùng biên giới là đủ
Giúp kẻ nguy, dẹp loạn là lẽ chính đáng
Dân chúng đem giỏ cơm bầu nước ra đón tiếp
Con bộ ngựa dám giương cày chống lại bánh xe
Trận chiến Gia Quan thật là lừng lẫy

Nguyên văn

安南數代以來被陪臣鄭氏世擅國柄。阮惠藉詞伐鄭，旋即佔據黎城，以至嗣孫黎維祁出走。至上年五月內，嗣孫之母妻眷屬奔至廣西水口關外沿河地方號呼求救，疆臣以聞。

予憐其恭順本朝百數十年，即降旨從優撫卹，並令督臣，興師致討，大義所關，事非得已。

初孫士毅奏請素有威望重臣，督率旗兵，勁旅至彼征剿。予以道路寫遠，揀發稽時且該督素稱賢能。深堪倚任提督許世亨亦才猷夙著因即命統原駐各關隘廣西兵四千名，又添調一千名，及檄調廣東兵五千名，共足一萬之數。令總兵張朝龍，尚維昇等分領前進而第一戰參將張純等即有嘉觀之捷，剿殺無數先聲固已奪人。

Dịch âm

An Nam số đại dĩ lai bị bồi thần Trịnh thị thế thiện quốc binh. Nguyễn Huệ tạ từ phạt Trịnh toàn tức chiếm cứ Lê thành, dĩ chí tự tôn Lê Duy Kỳ xuất tẩu. Chí thượng niên ngũ nguyệt nội, tự tôn chi mẫu thê quyến thuộc bôn chí Quảng Tây Thủy Khẩu quan ngoại duyên hà địa phương hiệu hô cầu cứu, cương thần dĩ văn.

Dư lân kỳ cung thuận bản triều bách số thập niên, tức giáng chỉ ưu phủ tuất, tịnh lệnh đốc thần, hưng sư chí thảo, đại nghĩa sở quan, sự phi đắc dĩ.

Sơ Tôn Sĩ Nghị tấu thỉnh hữu uy vọng trọng thần, đốc suất kỳ binh, kính lữ chí bỉ chinh tiểu. Dư dĩ đạo lộ điều viễn, giản phát kê thời thả cai đốc tố, xưng hiên năng thâm kham ỷ nhiệm đề đốc Hứa Thế Hanh diệp tài du túc trừ nhân tức mệnh thống nguyên trú các quan ải Quảng Tây binh tứ thiên danh, hựu thêm điều nhất thiên danh, cập hịch điều Quảng Đông binh ngũ thiên danh, cộng túc nhất vạn chi số. Lệnh tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng đẳng phân lãnh tiên tiến, nhi đệ nhất chiến

tham tướng Trương Thuần đẳng tức hữu Gia Quan chi tiếp, tiểu sát vô số tiên thanh cố dĩ đoạt nhân.

Dịch nghĩa

Nước An Nam trong mấy đời qua bị bồi thần họ Trịnh nắm giữ quyền bính. Nguyễn Huệ lấy tiếng phạt Trịnh chiếm lấy Lê thành (tức Thăng Long) khiến cho tự tôn Lê Duy Kỳ phải bỏ chạy. Đến tháng năm năm ngoái, mẹ, vợ và thân quyến tự tôn chạy sang Thủy Khẩu quan ở bên ngoài bờ sông thuộc tỉnh Quảng Tây kêu la cầu cứu, quan ở biên giới nghe được.

Ta thương xót cho họ đã cung thuận bản triều hơn một trăm năm qua, lập tức giáng chỉ phủ tuất đồng thời ra lệnh cho tổng đốc (Lưỡng Quảng) hưng binh phạt tội, việc đại nghĩa không thể không làm.

Thoạt tiên Tôn Sĩ Nghị tâu lên xin cho một trọng thần có uy vọng chỉ huy kỳ binh (tức Bát Kỳ Binh là lính chính qui của nhà Thanh) sang bên đó tiểu phạt. Ta thấy đường đi xa xôi cần phải có người tài giỏi nên sai đề đốc Hứa Thế Hanh lập tức trấn thủ các quan ải, đem bốn nghìn quân Quảng Tây, sau thêm một nghìn quân nữa rồi điều năm nghìn quân Quảng Đông cho đủ một vạn, sai tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng chia ra tiến lên. Ngay trận đầu tiên ở Gia Quan, tham tướng Trương Thuần đã thắng lớn, giết được vô số, tiếng tăm lừng lẫy khiến cho ai nấy đều chấn động.

Lời bàn

Cho đến nay, phần lớn sử ta cũng như sử Tàu đều cho rằng nhà Thanh có ý động binh từ khi thái hậu nhà Lê sang Long Châu “gào khóc xin cứu viện”. Thực ra, bước đường lưu lạc của thân quyến nhà Lê không phải là đứng bên bờ sông cầu cứu rồi được quan quân nhà Thanh đến giải vây như trong lời tâu của quan lại Lưỡng Quảng. Theo Lê Quýnh trong Bắc Hành Tùng Ký thì:

Tháng giêng năm Mậu Thân, niên hiệu Càn Long thứ 53 (1788), vua (Chiêu Thống) trú ở Giang Bắc. Tháng 2, đi về Đông, rồi đi Vĩ Hoàng thuộc Sơn Nam.

Bấy giờ, Thái hậu với Nguyên phi, Nguyên tử đều ở Thái nguyên. Quýnh vâng mệnh đi lên Bắc để hộ vệ Thái hậu. Tháng 4, đến Thái nguyên, thấy binh ít, thế gấp, bèn đưa Thái hậu đi trấn Mục mã (nguyên làm ra Mục dã) thuộc Cao bằng.

Tháng 5, quân Tây Sơn thành linh tới, phiên mục Hoàng Ích Hiếu theo lời dặn của đốc đồng Nguyễn Huy Túc lấy thuyền buôn đưa Quốc mẫu (Thái hậu) thuận

dòng đến cửa Thủy khẩu (cửa sông Bằng vào biên giới Long châu), tạm trú ở trên một gò nhỏ ở giữa sông thuộc thôn Bến xã Phát mê.

Ngày mồng 9, quân Tây Sơn đến đông. Quýnh và Ích Hiếu chia nhau hai ngã mà ngăn chống. Đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Phụng thế hầu Nguyễn Quốc Đống, Trường thu lĩnh Phạm Đình Quyền cùng nhau đưa Thái hậu qua sông, tới làng Đấu áo mà vào đất Thanh. Chiều tối, Quýnh và Ích Hiếu giữ gò nhỏ ở giữa sông Phát mê. Quân Tây Sơn vây phía Tây nam. Quân giữ ải nội địa ngăn phía Đông bắc. Lui tới đều hết đường, chỉ còn có thể đánh đến chết mà thôi. May tới đến, mưa gió to. Trong đêm tối, nhân chớp sáng mà lợi qua sông. Bắt đầu vào đất Thanh tại làng Đấu áo trong núi Đồ sơn.

Người nhà còn bẫy dứa. Sáng dậy thấy Thái hậu với Nguyên phi, Nguyên tử, các tòng thần đều ở trong động núi. Lương hết. Tìm được vài bao ngô đem tiến. Còn hơn sáu mươi người đều lấy rễ tươi bổ cốt chỉ đập nát và quả trong rừng mà ăn cho đỡ đói (nguyên chép: dĩ sinh cốt toái bổ chỉ chắc lắm. Sách Từ nguyên có tên cây bổ cốt chỉ hoặc phá cố chỉ). Người nhà tôi Nguyễn Chấm bị bệnh lưỡi trắng, không ngờ (sau khi) ăn bổ cốt chỉ lập tức khỏi bệnh.

La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn (tập hai – trước tác) (Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998) tr. 875-6.

Theo phép của Thanh triều, mỗi khi động binh bao giờ cũng do Quân Cơ Xứ lập kế hoạch, sau đó hoàng đế sẽ chọn một người làm nguyên soái tiết chế quân đội. Tùy theo tình hình mà các tỉnh phải cung ứng binh lính, quân nhu, phương tiện chuyên chở, nhân công, thợ thuyền, vũ khí, tiền bạc, lương thực ... Phần chính yếu do ngân sách từ trung ương chi trả. Chính vì thế mà Tôn Sĩ Nghị đã xin vua Cao Tông cử một trọng thần chỉ huy kỳ binh (là binh sĩ trong Bát Kỳ của nhà Thanh đưa tới) nhưng lần này lại chỉ điều động quân địa phương và do chính tống đốc Lương Quảng đảm trách. (Xem thêm “Quân Sự nhà Thanh”, biên khảo của Nguyễn Duy Chính)



BỨC TRANH THỨ HAI

三異柱右之戰

Tam Dị Trụ Hữu chi chiến

Nguyên văn

總兵張朝龍統兵三千名，內分一千五百名令參將張純帶領從嘉觀前進。張朝龍帶一千五百名從三異繞至柱右等處，夾功殲戮奪獲米糧軍械無算，生擒兵弁一百餘名。

而副將慶成另帶兵三百名伏於附近柱右之穎繼地方，生擒已降復叛之陳名炳，解赴軍營正法，尤強人意。

Dịch âm

Tổng binh Trương Triều Long thống binh tam thiên danh, nội phân nhất thiên ngũ bách danh, lệnh tham tướng Trương Thuần đài lãnh tòng Gia Quan tiên tiến. Trương Triều Long đài nhất thiên ngũ bách danh tòng Tam Dị nhiều chí Trụ Hữu đẳng xứ, giáp công tiêm lục, đoạt hoạch mễ lương quân giới vô toán, sinh cầm binh biện nhất bách dư danh.

Nhi phó tướng Khánh Thành lánh đài binh tam bách danh phục ư phụ cận Trụ Hữu chi đình kế địa phương, sinh cầm dĩ hàng phục bạn chi Trần Danh Bính, giải phó quân doanh chính pháp, vưu cường nhân ý.

Dịch nghĩa

Tổng binh Trương Triều Long thống lĩnh ba nghìn quân, chia ra một nghìn năm trăm người do tham tướng Trương Thuần chỉ huy theo đường Gia Quan tiến lên, còn Trương Triều Long dẫn một nghìn năm trăm quân theo đường Tam Dị vòng qua đến Trụ Hữu, hai mặt giáp công chém giết, lấy được rất nhiều quân lương khí giới, lại bắt sống hơn một trăm tên địch.

Còn phó tướng Khánh Thành đem quân ba trăm người mai phục ở gần bên Trụ Hữu, bắt sống được kẻ đã hàng rồi lại phản là Trần Danh Bính, giải về quân doanh xử tử khiến cho ai nấy đều hài lòng.

Nguyên văn

師行二黨叩營門
巢近一酋逃負恩
正旅偏軍窮列寨
右抽左旋勦蠻村
獲蕃多米胥資飽
繫寇長纓那許奔
誠喜國威延世將
名勳思克有元孫
乾隆己酉仲秋御筆

Dịch âm

Sư hành nhị đảng khấu doanh môn
Sào cận nhất tù đào phụ ân
Chính lữ thiên quân cùng liệt trại
Hữu trưu tả toản²¹ tiểu man thôn
Hoạch phiên đa mẽ tư tư bảo
Hệ khấu trường anh na hứa bôn
Thành hỉ quốc uy diên thế tướng
Danh huân Tư Khắc hữu nguyên tôn
Càn Long Kỷ Dậu trọng thu ngự bút

²¹ Khứ thanh

Dịch nghĩa

Quân chia làm hai ngả đánh vào doanh trại
Gần nơi sào huyệt địch bắt được kẻ thổ tù đã phụ ơn
Quân chính quân thiên (phụ) cùng đánh ép vào trại địch
Thúc bên phải, xoay bên trái để tiêu trừ quân Man
Đoạt được rất nhiều gạo thóc khiến ta no đủ
Trói chặt khiến không sao chạy trốn được
Quốc uy đáng mừng vì nhà tướng nổi được nghiệp
Tiếng thơm của Tư Khắc nay có cháu con

Nguyên văn

初孫士毅抵鎮南關偽將諒山督潘啟德來降。其協鎮陳名炳因見檄文，甚為悚懼，亦即情願歸順。孫士毅加賞給劄令，其回糾義勇隨兵嗣阮黨。吳初寄信，哄嚇潘啟德不為彼誘。而名炳旋即逃回黎城被阮惠拘其妻子仍加任用。柱右之戰即名炳領兵，前來抗拒，既降復叛情實難宥。

張朝龍至三異柱右交界地方正在紮營，督見對面山坡兵眾蜂擁前來。該鎮率領將弁，及張純所帶兵兩路來攻，沿途村寨，放火焚燒，剿殺甚眾。

是役雖不資安南一草一木至於獲彼資糧正足供軍食也。

孫士毅更令慶成預領兵三百餘名，潛赴要路，攔截生獲騎馬者三人，而陳名炳即在其內。似此反覆之人不致有逃顯戮洵稱快事。

慶成之高祖孫思克國初屢著勳績有此元孫可謂無忝家聲。

Dịch âm

Sơ Tôn Sĩ Nghị để Trấn Nam Quan, nguy tướng Lạng Sơn đốc Phan Khải Đức lai hàng. Kỳ hiệp trấn Trần Danh Bính nhân kiến hịch văn, thậm vi tung cụ, diệc tức tình nguyện qui thuận. Tôn Sĩ Nghị gia thưởng cấp tráp lệnh, kỳ hồi củ nghĩa dũng tùy binh tự Nguyễn đảng. Ngô Sơ ký tín, hống hách Phan Khải Đức bất vi bỉ dụ. Nhi Danh Bính toàn tức đào hồi Lê thành bị Nguyễn Huệ câu kỳ thê tử nhưng gia nhiệm dụng. Trụ Hữu chi chiến tức Danh Bính lãnh binh, tiền lai kháng cự, ký hàng phục bạn tình thực nan hựu.

Trương Triều Long chỉ Tam Dị Trụ Hữu giao giới địa phương chính tại trát doanh, đốc kiến đối diện sơn pha binh chúng phong ủng tiền lai. Cai trấn suất lãnh tướng biện, cập Trương Thuần sở đãi binh lương lộ lai công, duyên đồ thôn trại, phóng hoả phần thiêu, tiêu sát thậm chúng.

Thị dịch tuy bắt tư An Nam nhất thảo nhất mộc chí ư hoạch bỉ tư lương chính túc cung quân thực dã.

Tôn Sĩ Nghị cánh lệnh Khánh Thành dự lãnh binh tam bách dư danh, tiềm phó yếu lộ, lan tiết sinh hoạch kỳ mã giả tam nhân, nhi Trần Danh Bính tức tại kỳ nội. Tự thử phản phúc chi nhân bất chí hữu đào hiển lục tuân xưng khoái sự.

Khánh Thành chi cao tổ Tôn Tư Khắc quốc sơ lữ trữ huân tích hữu thử nguyên tôn khả vị vô thiểm gia thanh.

Dịch nghĩa

Lúc đầu khi Tôn Sĩ Nghị đến Trấn Nam Quan thì nguy tướng đóng ở Lạng Sơn là Phan Khải Đức ra hàng, hiệp trấn (quan võ) xứ đó là Trần Danh Bính đọc hịch văn sợ hãi nên cũng tình nguyện qui thuận. Tôn Sĩ Nghị ban thưởng rồi cấp tráp lệnh (mật lệnh) để cho về chiêu tập nghĩa dũng đi theo đánh với quân Nguyễn. Ngô Sơ (tức Ngô Văn Sở) được tin, doạ nạt Phan Khải Đức bảo đừng nghe lời khuyến dụ. Danh Bính vì thế quay lại trốn về Lê thành bị Nguyễn Huệ bắt giữ vợ con để tiếp tục dùng. Trong trận Trụ Hữu, Danh Bính đem quân tiến lên kháng cự khiến cho việc hàng phục càng thêm khó khăn.

Trương Triều Long đến địa phương ranh giới giữa Tam Dị và Trụ Hữu đang ở trong quân doanh thấy trên sườn núi đối diện rất đông quân đang ùa tới như ong liền chỉ huy binh tướng chống giữ. Trương Thuận cũng cầm một cánh quân hai mặt tấn công, men theo bờ sông phóng hoả đốt trại, chém giết rất nhiều.

Chiến dịch này tuy không lấy của An Nam một cành cây ngọn cỏ nhưng lần này lấy được lương thực của địch để nuôi quân mình. Tôn Sĩ Nghị sau đó ra lệnh cho Khánh Thành đem hơn ba trăm binh lên đến một đoạn đường quan yếu chẹn ngang bắt được ba người cưỡi ngựa trong đó có Trần Danh Bính²². Từ đó gã phản phúc này không còn trốn được nữa quả là thích thú lắm thay.

Caio tổ của Khánh Thành là Tôn Tư Khắc khi mới mở nước nhiều lần lập công lao có con cháu như thế quả là rạng rỡ cho gia tộc.

Lời bàn

Một chi tiết đáng cho chúng ta suy nghĩ là trong chiến dịch đánh nước Nam, nhà Thanh đã lập lại mô thức họ từng sử dụng 150 năm trước. Đó là dùng người Hán làm lực lượng chủ chốt để bành trướng thế lực chứ không dùng lực lượng kỳ binh là quân đội chính thức của nhà Thanh. Chính sách dùng người Hán diệt người Hán đã giúp cho một dân tộc nhỏ bé hơn nhiều chinh phục được toàn cõi Trung Nguyên, vừa giảm thiểu lực lượng chính yếu của họ, vừa tạo ra những liên hệ chặt chẽ hơn khiến những hàng tướng nhà Minh không còn có thể quay đầu được nữa.

²² Trần Danh Bính là hiệp trấn, làm việc dưới quyền trấn thủ Lạng Sơn Phan Khải Đức. Khi Phan Khải Đức đầu hàng quân Thanh, Trần Danh Bính (không biết vì thực tâm hay trá hàng) cũng đi theo. Khi Ngô Văn Sở viết thư khuyên nhủ, Trần quay về Thăng Long rồi được giao cho nhiệm vụ ngăn chặn quân địch, nay bị bắt và bị chém đầu.

Chính sách đó được đem ra thí nghiệm ở nước ta, ngoài mục tiêu chính trị và quân sự còn có thể coi như đây là một bước mở đầu để vua Càn Long đẩy bót số dân chúng ở Giang Nam (vốn dĩ là thành phần có nhiều tiềm năng chống đối hơn cả) xuống các quốc gia Đông Nam Á, vừa giải quyết được một số khó khăn kinh tế, vừa vươn dài tầm kiểm soát xuống một khu vực đã có nhiều tương cận trên cả chủng tộc lẫn văn hoá.

Trong trận chiến Việt Thanh, một số tướng lãnh thế tập của các nguyên huân khi mở nước có thể kể Khánh Thành (Tôn) là chất của Chấn Võ tướng quân Tôn Tư Khắc²³, Thượng Duy Thăng là hậu duệ của Bình Nam Vương Thượng Khả Hỉ²⁴ đều là những người Hán cộng tác với quân Thanh khi họ vào Trung Nguyên.

Việc tiến hành hai bước song song, một mặt tàn sát những cư dân nơi họ chiếm đóng, một mặt đưa dân chúng từ các vùng có mật độ cao tới khai khẩn là chính sách mà người Trung Hoa đã thực hiện trong nhiều thế kỷ nhất là đối với các sắc dân thiểu số ở phía tây và tây nam. Vua Càn Long vốn dĩ đã có những chính sách kinh tế khá gắt gao với nước ta nên nhân cơ hội này tiến hành chính sách xâm thực đồng hoá.

²³ Tôn Tư Khắc (孫思克) 1628-1700 thuộc Chính Bạch Kỳ Hán quân. Làm tham lãnh đời Thuận Trị. Đến năm Khang Hy thứ 2 (1663) được thăng lên tổng binh Cam Túc, có công bình định loạn Vương Phụ Thần (王輔臣) nên được lên làm đề đốc Lương Châu, sau làm đề đốc Cam Túc. Năm Khang Hy thứ 35 (1696) được phong danh hiệu Chấn Võ tướng quân (振武將軍) đại phá tướng Mông Cổ Cát Nhĩ Đan.

²⁴ Thượng Khả Hỉ (尚可喜) 1604-1676 là tướng cuối đời Minh. Năm Sùng Trinh thứ 5 (1632) làm phó tướng Quảng Lộc, đến năm 1634 về hàng Hậu Kim (tiền thân của nhà Thanh), làm tổng binh chỉ huy Thiên Trợ Binh (tức binh sĩ người Hán giúp cho người Mãn Châu khi đó). Năm 1636, ông được thăng lên Trí Thuận Vương trông coi Nhung Lam Kỳ Hán quân. Thuận Trị nguyên niên (1644), ông đem quân nhập quan đánh với Lý Tự Thành, đến năm 1646 cùng với Khổng Hữu Đức tấn công Hồ Quảng. Năm Thuận Trị thứ 6, ông được phong Bình Nam Vương đánh Quảng Đông rồi được lưu lại trấn thủ ở đây, cùng với Ngô Tam Quế và Cảnh Trọng Minh gọi là Tam Phiến. Ông là người trung thành với nhà Thanh nên sau đó được phong tặng Bình Nam thân vương. Khi vua Khang Hy ra lệnh triệt phiến, ông là người duy nhất trung thành với nhà Thanh mặc dù con ông lại phản loạn. (xem thêm “Quân Sự Nhà Thanh” của Nguyễn Duy Chính).



BỨC TRANH THỨ BA

壽昌江之戰圖

Thọ Xương giang chi chiến đồ

Nguyên văn

總兵尚維昇，副將慶成等帶兵兼程前進。五鼓至壽昌江，時值重霧瀰漫。阮兵猝不及防，傷死不計其數。餘眾拚命逃竄，擠斷浮橋。我兵斫竹編筏，刻即奪江而前無不餘勇可賈。

Dịch âm

Tổng binh Thượng Duy Thăng, phó tướng Khánh Thành đẳng đái binh kiêm trình tiên tiến. Ngũ cổ chí Thọ Xương giang, thời trị trọng vụ nhĩ mạn. Nguyễn binh thốt bất cập phòng, thương tử bất kể kỳ số. Dư chúng biệן mệnh đào thoán, tễ đoạn phù kiều. Ngã binh chước trúc biên phiệt, khắc tức đoạt giang nhi tiền vô bất dư dũng khả giá.

Dịch nghĩa

Tổng binh Thượng Duy Thăng, phó tướng Khánh Thành cùng dẫn binh tiến lên. Canh năm hôm đó đến sông Thọ Xương, khi đó gặp lúc sương mù mờ mịt. Nguyễn binh không kịp đề phòng, bị thương và chết vô số kể. Đám còn lại chạy trốn chui trốn nhủi, chen nhau đứt cả cầu phao. Quân ta chặt tre làm bè để qua sông xưa nay chưa từng dũng cảm như thế bao giờ.

Nguyên văn

三江橫互此為脣
固守群櫻最要津
乘霧定方掩牙帳
渡瀘卜漏失重垠
攻堅悉銳已奪魄
斫竹編槎可當綸
將領前驅眾軍奮
嘉其同是漢軍人
乾隆己酉仲秋之月御筆

Dịch âm

Tam giang hoành cǎng thử vi thân
Cố thủ quần anh tối yếu tân
Thừa vụ Định Phương yểm nha trưởng
Độ Lô Bốc Lậu thất trọng ngân
Công kiên tất nhuệ dĩ đoạt phách
Khảm trúc biên tra khả đáng luân
Tướng lĩnh tiền khu chúng quân phẩn
Gia kỳ đồng thị Hán quân nhân
Càn Long Kỷ Dậu trọng thu chi nguyệt ngự bút

Dịch nghĩa

Ba con sông vắt ngang dựa vào nhau
Bến này là chỗ yếu hiểm để cố thủ
Nhờ có mây mù nên Định Phương đánh úp được giặc
Qua sông Lô (Triệu Duật) phá được quân Bốc Lậu
Đánh mạnh đánh thẳng đoạt hồn phách địch
Chặt tre kết thành bè có thể đan được với nhau
Tướng lãnh đi trước làm cho quân sĩ lên tinh thần
Tất cả đều là người Hán đấy thôi

Nguyên văn

阮眾滿擬大兵由一路前進，是以設寨屯劄希截官軍糧運。不料大兵各路俱進，無從掩襲，因退保壽昌，市球，富良三江以為堅拒之計。

及尚維昇與慶成等連夜帶兵一千二百名兼程前進。五鼓抵壽昌江岸乘霧殲戮浮橋既斷立即斫竹編筏迅刻渡江奪勇進剿。阮眾所恃之險已奪其一自此遂成破竹之勢。擬之唐蘇定方乘霧襲頡利牙帳。宋趙適計破瀘戎卜漏恃險事頗覺相類。

尚維昇乃國初所封平南王尚可喜之後裔與慶成同係。漢軍此番奮力均堪嘉予。

Dịch âm

Nguyễn chúng mãn nghĩ đại binh do nhất lộ tiền tiến, thị dĩ thiết trại truân tráp hi tiệt quan quân lương vận. Bất liệu đại binh các lộ câu tiến, vô tông yểm tập, nhân thoái bảo Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương tam giang dĩ vi kiên cự chi kế.

Cập Thượng Duy Thăng dữ Khánh Thành đẳng liên dạ đại binh nhất thiên nhị bách danh kiêm trình tiền tiến. Ngũ cổ để Thọ Xương giang, thừa vụ tiêm lục phù kiều ký đoạn, lập tức chước trúc biên phiệt, tấn khắc độ giang, đoạt dũng tiến tiễu. Nguyễn chúng sở thị chi hiểm, kỹ đoạt kỳ nhất tự thử toại thành phá trúc chi thế. Nghĩ chi Đường Tô Định Phương thừa vụ tập Hiệt Lợi nha trưởng, Tống Triệu Duật kế phá Lô Nhung Bốc Lậu thị hiểm sự phả giác tương loại.

Thượng Duy Thăng nãi quốc sơ sở phong Bình Nam Vương Thượng Khả Hỉ chi hậu duệ dữ Khánh Thành đồng hệ. Hán quân sở phiên phần lực quân kham gia dư.

Dịch nghĩa

Quân Nguyễn cho rằng đại binh sẽ tiến theo một đường nên thiết lập đồn trại để chặn đường vận chuyển quân lương. Không ngờ đại binh các lộ cùng tiến, không thể đánh trộm được nên phải lui về bảo vệ Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương ba con sông, để dựa vào thế kiên cố chống giữ.

Nhưng Thượng Duy Thăng và Khánh Thành dẫn một nghìn hai trăm binh tiến suốt đêm. Canh năm đến sông Thọ Xương, nhân lúc trời sương mù, thấy cầu phao đã gãy rồi lập tức chặt tre đan bè, vượt qua sông, dũng cảm xông lên đánh. Quân Nguyễn chỉ dựa vào thế hiểm, nay bị mất rồi nên phá dễ như chẻ tre. Nhớ lại năm xưa Tô Định Phương²⁵ đời Đường nhân sương mù tấn công vào nha trưởng của Hiệt Lợi, Triệu Duật²⁶ đời Tống dùng kế phá quân Bốc Lậu cậy hiểm nơi sông Lô cũng tương tự như thế.

²⁵ Tô Định Phương (592-667) là tướng đời Tùy mạt, Đường sơ. Năm Trinh Quan thứ 4 (630) làm tiên phong cho Lý Tịnh đánh thắng Hiệt Lợi Khả Hãn của Đột Quyết nên được thăng lên Tả Võ Hầu Trung Lang Tướng. Làm quan đến Võ Vệ đại tướng quân.

²⁶ Triệu Duật (? -1126) là tướng đời Tống. Bốc Lậu là thủ lĩnh một bộ lạc thiểu số nổi lên chống lại chính sách sưu cao thuế nặng của người Tống, Triệu Duật đem 3 vạn quân bắt được Bốc Lậu, bình định Lô Nam. Sau lên đến Binh Bộ thượng thư.

Thượng Duy Thăng là hậu duệ của Bình Nam Vương Thượng Khả Hỉ khi mới lập quốc cũng như Khánh Thành. Lần này quân người Hán cũng cảm ra sức thật đáng khen ngợi.

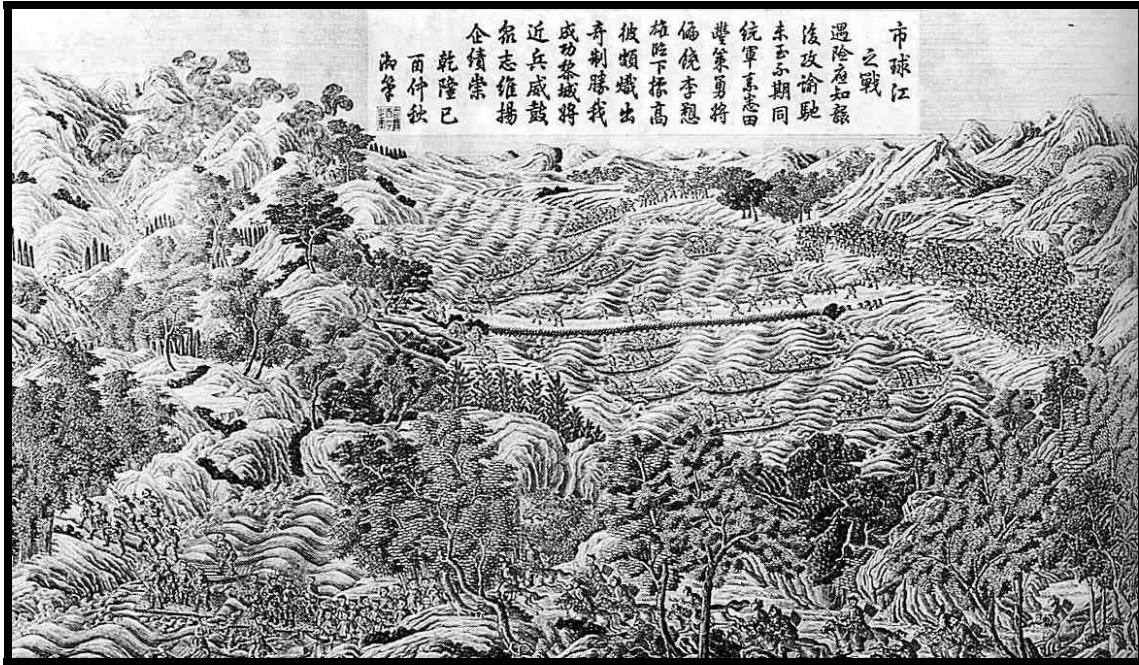
Lời bàn

Quân Tây Sơn không phải chưa đánh đã rút như Khâm Định Việt Sử chép mà xây dựng một phòng tuyến chặt chẽ từ Lạng Sơn đến Thăng Long. Điều đáng tiếc là vì Phan Khải Đức ra hàng nên địa điểm hiểm yếu nhất của quân ta bị phá vỡ khiến cho địch có thể tiến xuống một cách tương đối dễ dàng.

Những địa điểm cố thủ được xây dựng theo mẫu mực của vùng Đông Nam Á, thường bao gồm tường đất lát bằng gỗ, bên ngoài có hào cắm chông tre. Theo như tài liệu của nhà Thanh, các công sự được xây dựng khá kiên cố và giao cho thổ dân trấn giữ. Tuy nhiên vì tình hình chưa ổn định nên dân binh đều bỏ chạy khi quân Thanh kéo sang, tương tự như tình hình quân Minh sang đánh nhà Hồ hồi thế kỷ thứ 15.

Giai đoạn đầu của tình hình thời đó có nhiều điểm giống với cuộc xâm lăng của quân Minh bốn thế kỷ trước. Tuy nhiên Nguyễn Huệ đã dùng chiến thuật lấy công làm thủ, tiến đánh khi địch chưa chuẩn bị xong trận thế, khai thác được những ưu điểm của chiến sĩ đúng như những lý thuyết quân sự mà các tướng lãnh học hỏi mãi tận sau này.²⁷

²⁷ The attack suits the soldier better than defense. All warlike and fighting virtues such as daring, decision, courage, offensive spirit, destructive will and self-confidence are awakened by, and take their full value from, offensive action. Von Leeb, *Defense* (bản dịch Stefan T. Possony và Daniel Volfroy) 5th Ed. (Pennsylvania: Military Service Publishing Company, 1954) tr. 1.



BỨC TRANH THÚ TỬ

市球江之戰圖

Thị Cầu giang chi chiến đồ

Nguyên văn

官兵抵市球江。阮眾蟻聚南岸，頗有自高壓下之世以是連日衝奪不能得利。孫士毅佯令義民搭蓋浮橋，令總兵張朝龍夜半於左邊暗渡抄出彼營之後，喊聲震地。大兵亦由浮橋渡江夾攻，剿殺數天生擒五百餘人。

Dịch âm

Quan binh đế Thị Cầu giang. Nguyễn chúng nghị tụ nam ngạn, phả hữu tự cao áp hạ chi thế, dĩ thị liên nhật xung đoạt bất năng đắc lợi. Tôn Sĩ Nghị dương lệnh nghĩa dân đắp cái phù kiều, lệnh tổng binh Trương Triều Long dạ bán ư tả biên ám độ, sao xuất bỉ doanh chi hậu, hảm thanh chấn địa. Đại binh diệc do phù kiều độ giang giáp công, tiễu sát số thiên, sinh cầm ngũ bách dư nhân.

Dịch nghĩa

Quan binh đến sông Thị Cầu. Quân Nguyễn tụ tập đông như kiến ở phía nam, hơi có lợi thế từ cao đánh xuống thấp cho nên suốt mấy ngày tấn công mà không thắng lợi. Tôn Sĩ Nghị ra lệnh cho nghĩa dân kiến tạo cầu phao nhưng ngầm ra lệnh cho tổng binh

Trương Triều Long nửa đêm lén ra phía bên trái, đánh úp vào đàng sau doanh trại địch, reo hò vang dậy cả đất. Đại binh khi đó mới đi theo cầu phao vượt sông đánh vào, giết được mấy nghìn người, bắt sống hơn năm trăm.

Nguyên văn

遇險應知襲後攻
諭馳未至不期同
統軍素悉田豐策
勇將偏饒李愬雄
臨下據高彼頗熾
出奇制勝我成功
黎城將近兵威鼓
眾志維揚企績崇
乾隆己酉仲秋御筆

Dịch âm

Ngộ hiểm ứng tri tập hậu công
Dụ trì vị chí bất kỳ đồng
Thống quân tố tất Điền Phong sách
Dũng tướng thiên nhiên Lý Tố hùng
Lâm hạ cứ cao bỉ phả xí
Xuất kỳ chế thắng ngã thành công
Lê thành tương cận binh uy cổ
Chúng chí duy dương xí tích sùng
Càn Long Kỷ Dậu trọng thu ngự bút

Dịch nghĩa

Gặp nguy nên biết cách đánh tập hậu
Chỉ dụ chưa tới đã có cùng một ý như thế
Thống lĩnh quân theo kế của Điền Phong
Dũng tướng đánh ngang hông không khác gì Lý Tố
Địch đánh từ cao xuống nên khí thế khá dũng mãnh

Thế nhưng ta đánh bất ngờ nên đã thành công
Lê thành đã gần rồi nên đánh trống để thêm quân uy
Chí mọi người đều mong cho sớm lập được công lao

Nguyên văn

先是予念三江之阻，馳諭孫士毅當地利相持，不能速進。之處可於上下游密探，間道潛渡，如田豐之乘間襲河南，李愬之夜半攻蔡城。出其不意當能制勝。此旨未到之，前孫士毅奏市球江之捷，竟與諭旨不期而合，可稱能事。

官兵駐劄市球江北岸地形低，下勢難仰攻。阮眾見我兵不得地利，自高壓下屢從浮橋及所駕小船衝突前來，我兵紮筏緩不濟急。孫士毅與提督許世亨相商，令官兵一面排列多礮，隔江攻打，並令義民搬運竹木，作搭蓋浮橋，欲渡之象，一面躡探左邊二十里之外，江勢繚曲為阮眾耳目所不及之處。密令張朝龍帶兵二千名於夜半用竹筏及農家小船，裹帶乾糧，陸續暗渡，復令李化龍以兵五百接應。

於是官兵度已潛渡有恃無恐，勇氣倍增。而張朝龍暗從彼營後啞排牆而進。阮眾不知兵從何來，魂膽俱失，棄寨奔逃。大兵遂即渡江，分路進剿。此兵家出奇制勝之道也。

Dịch âm

Tiên thị dư niệm tam giang chi trở, trì dụ Tôn Sĩ Nghị đương địa lợi tương trì, bất năng tốc tiến. Chi xứ khả ư thượng hạ du mật thám, gian đạo tiềm độ, như Điền Phong chi thừa gian tập Hà Nam, Lý Tố chi dạ bán công Sái thành. Xuất kỳ bất ý đương năng chế thắng. Thử chỉ vị đáo chi, tiền Tôn Sĩ Nghị tấu Thị Cầu giang chi thiệp, cánh dữ dụ chỉ bất kỳ nhi hợp, khả xưng năng sự.

Quan binh trú tráp Thị Cầu giang bắc ngạn địa hình đê hạ, thế nan ngưỡng công. Nguyễn chúng kiến ngã binh bất đắc địa lợi, tự cao áp hạ, lũ tòng phù kiều cập sở giá tiểu thuyền xung đột tiền lai, ngã binh trát phiệt hoãn bất tế cấp. Tôn Sĩ Nghị dữ đề đốc Hứa Thế Hanh tương thương, lệnh quan binh nhất diện bài liệt đa pháo, cách giang công đả. Tịnh lệnh nghĩa dân phiệt vận trúc mộc, tác đáp cái phù kiều, dực độ chi tượng, nhất diện thả thám tả biên nhị thập lý chi ngoại, giang thế liễu khúc vì Nguyễn chúng nhĩ mục sở bất cập chi xứ. Mật lệnh Trương Triều Long đái binh nhị thiên danh ư dạ bán dụng trúc phiệt cập nông gia tiểu thuyền lý đái can lương lục tục ám độ, phục lệnh Lý Hoá Long dĩ binh ngũ bách tiếp ứng.

Ư thị quan binh độ dĩ tiềm độ hữu thị vô khủng, dũng khí bội tăng. Nhi Trương Triều Long ám tòng bỉ doanh hậu, nột bài tường nhi tiếng. Nguyễn chúng bất tri binh tòng hà lai, hồn đảm câu thất, khí trại bồn đào. Đại binh toại tức độ giang phân lộ tiến tiểu, thử binh gia xuất kỳ chế thắng chi đạo dã.

Dịch nghĩa

Trước đây ta lo về trở ngại của ba con sông nên đã gửi chỉ dụ cho Tôn Sĩ Nghị nói là địa thế như vậy không nên tiến quân nhanh. Nơi như thế nên bí mật dò thám các nơi

thượng du, hạ du, lén vượt qua giống như Điền Phong ngày xưa tập kích Hà Nam hay Lý Tố nửa đêm đánh Sái thành, tấn công bất ngờ để chiến thắng. Chỉ dụ đó chưa đến nơi thì Tôn Sĩ Nghị đã tâu lên chiến thắng sông Thị Cầu, hoá ra cũng hợp như dụ chỉ, quả thật là chuyện lạ.

Quan binh trú đóng ở Thị Cầu phía bắc hình thế đất thấp, khó có thể đánh ngược lên. Quân Nguyễn thấy quân ta không có địa lợi, từ cao áp xuống, mấy lần theo cầu phao và dùng thuyền nhỏ tấn công sang khiến quân ta đóng bè không thể nhanh được.

Tôn Sĩ Nghị mới thương lượng với đề đốc Hứa Thế Hanh, cho quan binh một mặt giàn nhiều súng lớn, từ bên này sông bắn qua, cùng lúc đó sai nghĩa dân vận chuyển tre gỗ, giả vờ như đang thiết lập phù kiều định sang sông, một mặt sai người xem xét ngoài hai mươi dặm ở phía trái, thấy nơi đó dòng sông uốn khúc, tai mắt quân Nguyễn không nhìn thấy được. Bèn mật lệnh cho Trương Triều Long dẫn hai nghìn quân nửa đêm dùng bè tre và thuyền nhỏ của nhà nông, trong chứa lương khô, lần lượt qua sông, lại sai Lý Hoá Long đem thêm năm trăm quân tiếp ứng.

Quan binh lén qua được rồi không còn sợ hãi, dũng khí gia tăng gấp bội. Trương Triều Long lén từ phía sau hò reo tiến lên. Quân Nguyễn không biết binh từ đâu kéo đến, không còn hồn vía, bỏ trại mà chạy. Đại binh lúc ấy mới qua sông, chia theo nhiều cánh tiến đánh. Đó là phép xuất kỳ chế thắng của binh gia.

Lời bàn

Sau khi nghe tin quân ta bị thua ở sông Thương, nội hầu Phan Văn Lân (潘文璘) đem binh lên giữ Thị Cầu, đóng trên các sườn núi và chỗ hiểm yếu ở bờ sông phía nam, lại thiết lập nhiều đồn lũy bằng tre, gỗ dọc theo bờ sông phòng ngự. Ngày 15 tháng 11 năm Mậu Thân (Càn Long 53 1788), quân Thanh từ núi Tam Tầng (三層) tiến xuống đóng ở bắc ngạn sông Thị Cầu.

Phía bắc sông Thị Cầu đất thấp, Phan Văn Lân liền tập trung súng lớn bắn sang, quân Thanh chống đỡ không nổi chỉ còn nước theo cầu phao vượt sông ụa lên. Quân ta chặn cầu phao và dùng thuyền nhỏ đánh tới, hoả lực rất mạnh khiến quân Thanh tổn thất nặng nề, du kích Vu Tông Phạm (于宗範) trúng đạn chết, du kích Trần Thượng Cao (陳上高), thủ bị Trương Vân (張雲) thiên tửng Trần Liên (陳連) đều bị trọng thương, ngay cả tổng binh Thượng Duy Thăng cũng bị thương ở ngón tay, Hứa Thế Hanh vội vàng sai quân đắp tường đất để ngăn đạn, hết sức chống giữ. Quân Thanh phòng ngự từ giờ Tỵ (khoảng gần trưa) ngày 15 đến chiều tối ngày 16, hai bên dàn đại pháo bên bờ sông bắn sang nhau.

Trận địa của quân ta vững chắc, lại có lợi thế từ cao bắn xuống khiến địch lâm vào thế bị động. Dòng sông ở đây ngoằn ngoèo, địa thế tối tăm nên bọn tòng vong nhà Lê hiến kế vòng ra xa rồi quay lại tấn kích vào phía sau quân ta.

... Quýnh và Lê Duy Đản bàn với nhau rằng: "Từ khi (ta) ra cửa ải đến nay, quân địch thua luôn. Chắc chúng đặt nhiều quân ở núi Thị Cầu, (mong) có nước chặn,

để cự lại. Nhưng chúng nó dùng binh chỉ biết nhìn phía trước, thường không ngoảnh về phía sau. Nên dùng kỳ binh chộp phía sau, thì chắc sẽ thắng. Quân ở doanh Thị Cầu (nếu) đã bại, thì khôi phục cố đô dễ như nhổ nước bọt vào tay”.

Đến khi đại binh tiến đến núi Tam Tầng, cách địch con sông. Lê Duy Dẫn nói (muu ấ) với quan lớn Tôn. Quan lớn bèn nghe kế.²⁸

Tôn Sĩ Nghị mừng rỡ một mặt sai dân quân dùng thuyền chở tre gỗ giả vờ như định làm cầu nổi để qua sông nhưng bí mật sai tổng binh Trương Triều Long đem 2000 quân nhân lúc tối trời đi xuống 20 dặm dùng cầu phao và thuyền cướp được cửa thổ dân, mang theo lương khô lên lên vượt qua. Trương Triều Long cho để lại 500 quân chặn giữ cửa sông, đem 1500 quân tiến lên trước, sai các thổ dân dẫn đường. Tôn Sĩ Nghị lại sợ quân đi quá ít nên sai tổng binh Lý Hoá Long (李化龍) đem 500 quân đi tiếp ứng.

Đến giờ Sửu ngày 17 tháng 11 (khoảng 2, 3 giờ sáng) quân Thanh ôm ống tre làm phao, men theo cầu nổi từ chính diện tiến sang, trong khi Trương Triều Long dẫn quân men theo sườn núi tập hậu đánh bất ngờ vào đại doanh của Phan Văn Lân. Khi thấy lửa nổi bốn bề, quân ta ban đêm không biết địch đông ít ra thế nào nên tan vỡ phải bỏ đồn mà chạy trở về Thăng Long.

²⁸ Lê Quýnh, “Bắc Hành Tùng Ký”. Hữu Ngọc – Nguyễn Đức Hiền (sưu tập), *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* (tập II: Trước Tác) (Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998) tr. 880.



BỨC TRANH THỨ NĂM

富良江之戰

Phú Lương giang chi chiến

Nguyên văn

富良江乃黎城門戶。阮眾見官兵將至，將大小船隻收至南岸，江心施放鎗礮。我兵不能迅渡。孫士毅察看阮兵勢漸潰亂，令將弁用農家小船及竹筏於日間剿殺江心兵眾。

而於次日五鼓許世亨率二百餘人直至彼岸。彼於昏夜之間不辨兵數，窘迫無措。繼而我兵搶奪數船，更番濟渡痛加剿戮，并燒沈江心船艘十餘隻。

全軍渡江黎氏宗族及百姓人等遂開城出降不攻而克。

Dịch âm

Phú Lương giang nãi Lê thành môn hộ. Nguyễn chúng kiến quan binh tương chí, tương đại tiểu thuyền chí thu nam ngạn giang tâm thi phóng thương pháo. Ngã binh bất năng tấn độ. Tôn Sĩ Nghị sát khán Nguyễn binh thế tiệt hội loạn, lệnh tướng biện dụng nông gia tiểu thuyền cập trúc phiệt ư nhật gian tiểu sát giang tâm binh chúng.

Nhi ư thứ nhật ngũ cổ Hứa Thế Hanh suất nhị bách dư nhân trực chí bỉ ngạn. Bỉ ư hôn dạ chi gian bất biện binh số, quãn bách vô thố. Kế nhi ngã binh thường đoạt sở thuyền, canh phiên tế độ thống gia tiểu lục, tịnh thiêu trâm giang tâm thuyền sư thập dư chích.

Toàn quân độ giang Lê thị tông thất cập bách tính nhân đặng toại khai thành suất hàng, bất công nhi khắc.

Dịch nghĩa

Sông Phú Lương là cửa ngõ của Lê thành (Thăng Long). Quân Nguyễn thấy quan binh kéo đến, đem thuyền lớn nhỏ sang nam ngạn dùng súng bắn sang, quân ta không qua được. Tôn Sĩ Nghị xem thấy binh thế quân địch dần dần hỗn loạn, sai tướng dùng thuyền nhỏ của nhà nông và bè tre xông ra chém giết quân Nguyễn ở giữa giòng sông.

Canh năm sáng hôm sau, Hứa Thế Hanh dẫn hơn hai trăm người đi thẳng sang bờ bên kia. Bọn chúng trời tối không biết quân số (nhiều hay ít), quẫn bách không biết làm thế nào. Quân ta lúc ấy mới đoạt lấy mấy chiếc thuyền, chia nhau ra qua sông để chém giết, lại đốt chìm hơn một chục chiếc thuyền giữa giòng sông.

Toàn quân qua sông rồi, tông thất họ Lê cùng dân chúng liền mở thành ra hàng, không đánh mà được.

Nguyên văn

門戶黎城曰富良
彼雖固壘眾倉皇
數舟獨入真稱壯
既勇知方深惜臧
復國一王仍棄守
立祠三將永留芳
酬忠撫順遵王道
無事佳兵垂吉祥
乾隆己酉仲秋御筆

Dịch âm

Môn hộ Lê Thành viết Phú Lương
Bỉ tuy cố lũy chúng thương hoàng
Số chu độc nhập chân xưng tráng
Ký dũng tri phương thâm tích tàng
Phục quốc nhất vương nhưng khí thủ
Lập từ tam tướng vĩnh lưu phương
Thù trung phủ thuận tuân vương đạo
Vô sự giai binh thù cát tường
Cần Long Kỷ Dậu Trọng Thu ngự bút

Dịch nghĩa

Phú Lương là môn hộ của Lê thành
Bọn chúng tuy có thành lũy kiên cố nhưng hoảng hốt
Vài chiếc thuyền xông vào quả là hùng tráng
Quả là anh dũng thật đáng tiếc
Lấy lại nước cho một ông vua nhưng không giữ được
Lập đền cho ba tướng mãi mãi lưu tiếng thơm
Báo đáp cho kẻ trung, cúi đầu qui thuận tuân theo vương đạo
Không còn việc chiến tranh chẳng hay lắm sao?

Nguyên văn

官兵至富良江。許世亨覓小農船及竹筏率兵二百餘人徑渡彼岸。繼又搶奪船隻，更番配載官軍，其勇壯之概，真為超眾。及阮惠復來，孫士毅尚復領兵，身先衝敵。幸而許世亨力為勸阻並令武弁控騎遯行。於是孫士毅振旅入關不致有損國威。而許世亨仍即致命疆場似此勇且知方之賢臣能不倍加惋惜。

提督許世亨，總兵張朝龍，尚維昇等臨陣損軀國家固已從優，議恤賞延於世，並令阮惠於安南立祠以祭。而阮惠奏請官爵封謚即於彼處建立祠堂垂芳奕大。此更足已酬獎忠魂矣。至阮惠再四籲求，伏罪歸降，實出真誠。揆度事機悉屬合理，正當從其所請，赦過加恩，事以順成，不越佳兵之戒矣。

Dịch âm

Quan binh chí Phú Lương giang. Hứa Thế Hanh mịch tiểu nông thuyền cập trúc phiệt suất binh nhị bách dư nhân kính độ bỉ ngạn. Kế hựu thưởng đoạt thuyền chích, cánh phiên phối tải quan quân, kỳ dũng tráng chi khái chân vi siêu chúng. Cập Nguyễn Huệ phục lai, Tôn Sĩ Nghị thưởng phục lãnh binh, thân tiên xung địch. Hạnh nhi Hứa Thế Hanh lực vi khuyến trở tịnh lệnh võ biện khống kỵ thuyền hành. Ứ thị Tôn Sĩ Nghị chấn lữ nhập quan, bất chí hữu tổn quốc uy. Nhi Hứa Thế Hanh nhưng tức chí mệnh cương trường tự thử dũng thả tri phương chi hiền thần năng bất bội gia oản tích.

Đề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng đẳng lâm trận tổn khu, quốc gia cố dĩ tông ưu, nghị tuất thưởng diên ư thế, tịnh lệnh Nguyễn Huệ ư An Nam lập từ dĩ tế. Nhi Nguyễn Huệ tấu thỉnh quan tước, phong thụy, tức ư bỉ xứ kiến lập từ đường, thụy phương dịch đại. Thử cánh tức dĩ thù tướng trung hồn hĩ. Chí Nguyễn Huệ tái tứ dụ cầu, phục tội qui hàng, thực xuất chân thành. Quĩ độ sự cơ tất thuộc hợp lý, chính đương tông kỳ sở thỉnh, xá quá gia ân, sự dĩ thuận thành, bất việt giai binh chi giới hĩ.

Dịch nghĩa

Quan binh đến sông Phú Lương, Hứa Thế Hanh lấy thuyền của nhà nông và bè tre dẫn binh hơn hai trăm người vượt qua sông. Sau đó mới đoạt thuyền, chia phiên chở quan quân sang đống mành quả là hơn người.

Đến khi Nguyễn Huệ quay trở lại, Tôn Sĩ Nghị cũng đích thân cầm quân, xông lên trước. May là Hứa Thế Hanh hết sức khuyên ngăn lại sai võ tướng hộ vệ ra đi. Vì thế Tôn Sĩ Nghị mới chấn chỉnh binh sĩ nhập quan, không để cho tổn hại đến quốc uy. Còn Hứa Thế Hanh bỏ mạng nơi sa trường, đống mành để lại tiếng thơm là một hiền thần thật đáng tiếc.

Đề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng ra trận bỏ mình, quốc gia dĩ nhiên thương xót, phủ tuất đến cả các đời sau nên ra lệnh cho Nguyễn Huệ lập đền thờ cúng tế ở nước An Nam. Sau đó Nguyễn Huệ tâu lên xin phong quan tước, rồi lập từ đường bên đó tiếng thơm lừng lẫy. Như thế quả đã tưởng thưởng đến vong hồn kẻ trung kia.

Đến như Nguyễn Huệ nhiều lần gửi lên phục tội qui hàng, quả có lòng chân thành, phép tắc hợp lý. Thế cho nên ta theo việc thỉnh cầu đó mà xá tội gia ân, mọi việc thuận thành, quả là giai binh chi giới (ngăn cấm việc binh ấy là điều hay) vậy.



BỨC TRANH THỨ SÁU

阮惠遣姪阮光顯入覲賜宴之圖

Nguyễn Huệ khiến điệt Nguyễn Quang Hiển nhập cận tứ yến chi đồ

Nguyên văn

黎維祁復國後，不能自立，一聞阮惠復來又即逃奔內地。天厭其德，誠非虛語。予維奉天，曷敢違越不值，復興兵衛彼復國也。

嗣據福康安奏阮惠再四籲懇，悔罪歸順出於至誠。予亦不欲為已甚，因即允其所請撤兵。阮惠先遣其親姪阮光顯入覲輸悃，並稱明歲當親詣闕廷祝釐，因以乞封。

昨接表文，嘉其情詞真摯，急欲得天朝封號為榮遂即勅封為安南國王。茲阮光顯來至山莊正屆萬壽節，令其一體與宴用示恩榮。

Dịch âm

Lê Duy Kỳ phục quốc hậu, bất năng tự lập, nhất văn Nguyễn Huệ phục lai hựu tức đào bôn nội địa. Thiên yếm kỳ đức, thành phi hư ngữ. Dư duy phụng thiên, hạp cảm vi việt bất trị, phục hưng binh vệ bỉ phục quốc dã.

Tự cứ Phúc Khang An tấu Nguyễn Huệ tái tứ dụ khẩn, hối tội qui thuận, xuất ư chí thành. Dư diệc bất dục vi dĩ thậm, nhân tức doãn kỳ sở thỉnh triệt binh. Nguyễn Huệ

tiên khiển kỳ thân điệt Nguyễn Quang Hiển nhập cận thân khổn, tịnh xưng minh tuế đương thân nghệ khuyết đình chúc li, nhân dĩ khát phong.

Tạc tiếp biểu văn, gia kỳ tình từ chân chí, cấp dục đắc thiên triều phong hiệu vi vinh, toại tức sắc phong vi An Nam quốc vương. Tư Nguyễn Quang Hiển lai chí sơn trang, chính giới Vạn Thọ Tiết, lệnh kỳ nhất thể dữ yển dụng thị ân vinh.

Dịch nghĩa

Lê Duy Kỳ lấy lại được nước rồi, không có khả năng tự lập, vừa nghe Nguyễn Huệ quay lại lập tức chạy về nội địa (tức Trung Hoa). Trời ghét đức của y không phải là lời nói ngoa. Ta chỉ biết thờ trời, đâu dám vượt qua những điều mà trời không muốn, để lại một lần nữa hưng binh phục quốc cho y.

Khi Phúc Khang An tâu lên Nguyễn Huệ mấy lần khẩn thiết kêu xin hối tội qui thuận quả có dạ chí thành. Ta cũng không muốn chấp nhất nên mới bằng lòng lời thỉnh cầu triệt binh. Nguyễn Huệ trước hết sai cháu ruột là Nguyễn Quang Hiển vào châu để tỏ tình thực, lại xin sang năm đích thân sang cung khuyết chúc thọ, nhân dịp xin phong vương.

Tiếp được biểu văn càng thấy lời lẽ, mong sớm được phong hiệu của thiên triều cho thêm vinh hiển nên mới sắc phong làm An Nam quốc vương. Nay Nguyễn Quang Hiển đến sơn trang đúng vào kỳ Vạn Thọ Tiết nên cho dự yến chung với mọi người để tỏ ân tình của ta.

Nguyên văn

誰能不戰屈人兵
戰後畏威懷乃誠
黎氏可憐受天厭
阮家應與錫朝禎
今秋已自親姪遣
明歲還稱躬已行
似此輸誠外邦鮮
嘉哉擲忍靳恩榮
乾隆己酉仲秋御筆

Dịch âm

Thùy năng bất chiến khuất nhân binh
Chiến hậu uý uy hoài nãi thành

Lê thị khả liên thụ thiên yếm
Nguyễn gia ứng dữ tích triều trinh
Kim thu dĩ tự thân điệt khiển
Minh tuế hoàn xưng cung kỹ hành
Tự thử thâu thành ngoại bang tiển
Gia tai na nhấn cận ân vinh
Cần Long Kỷ Dậu Trọng Thu ngự bút

Dịch nghĩa

Ai không giao chiến mà có thể khuất phục được địch?
Sau cuộc chiến lại làm cho sợ hãi mà thành thực qui phục
Thương thay cho họ Lê đến trời cũng chán ghét
Còn nhà Nguyễn thì nên được hưởng phúc triều đình
Mùa thu năm nay sai cháu ruột đến
Sang năm lại xin được đích thân qua
Thành thực như thế ngoại bang thật hiếm có
Việc như thế không lẽ lại không vinh dự hay sao?

KẾT LUẬN

-0-

Chúng ta không ai không biết đến những posters của các “nghệ sĩ nhân dân” - được sản xuất hàng loạt dưới thời Mao Trạch Đông ở Hoa lục cũng như tại những quốc gia Cộng Sản khác - vẽ những công nhân bấp thịch cuộn cuộn đầy vẻ tự tin, những nông dân mặt tươi như hoa bên cạnh đồng lúa chín vàng hay những thiếu nhi khăn quàng đỏ hồng hào, mập mạp ... dùng để phát động những chính sách lớn. Những nhà thơ của chế độ cũng thi nhau sáng tác văn chương phụ họa và đề cao đường lối của nhà nước trong các chiến dịch “*Bước Tiến Nhảy Vọt*” hay “*Cách Mạng Văn Hoá*”. Trong khi ở các quốc gia Âu Mỹ, bích chương thường nhắm vào mục tiêu thương mại thì tại Trung Hoa, những tranh vẽ đó có mục tiêu chính trị nhiều hơn.

Những bức Đắc Thắng Đồ đời Thanh là một trong những “*tranh tuyên truyền*”²⁹ sớm sủa, nói lên khí thế và thắng lợi của triều đại Mãn Thanh đối với các dân tộc ở chung quanh vừa để tuyên dương uy đức của thiên triều, vừa tạo những đe dọa trấn áp nếu có ý định nổi lên chống lại họ. Sáu bức tranh An Nam chiến đồ cũng có mục tiêu tương tự. Cho nên chúng ta không thể tìm trong những bức tranh này những chứng liệu lịch sử mà chỉ có thể giải mã một số ẩn ý của Thanh triều muốn gửi gắm.

Một trong những điểm ít ai để ý là tuy vua Cao Tông vẫn tự hào về Mười Võ Công nhưng trong số đồng bản họa không thấy nhắc đến việc ba lần đem quân “*chinh phạt*” Miến Điện. Điều đó cũng dễ hiểu vì nhà Thanh đã bị sa lầy ở đất Miến nhiều năm, hao binh tổn tướng mà không được lợi lộc gì. Nếu không vì những đe dọa từ người Anh và người Xiêm, người Miến có lẽ cũng chưa chịu hàng phục và triều cống nhà Thanh. Có lẽ đó cũng là một mối hận lòng mà vua Cao Tông ngậm đắng nuốt cay không cách nào giải toả nổi.

Chính vì thế, việc đem quân đánh Đại Việt là một trận đánh hú họa cầu may, nặng phần dọa nạt. Ngay từ đầu, Thanh triều vẫn chủ trương hư trương thanh thế, phóng đại thực lực để cốt sao quân Tây Sơn rút đi trả lại nước cho nhà Lê rồi nhân đó mà tiến hành lũng đoạn chính trị. Với tình hình bất ổn của nước ta thời đó, việc tự nguyện đi theo những chủ trương của thiên triều không phải là không có thể xảy ra. Ngô Văn Sở lui binh về Tam Điệp đã trùng hợp với dự kiến của nhà Thanh đưa đến chiến thắng quá dễ dàng khiến cho họ thêm khinh địch và cũng làm nguôi ngoai cái “*hội chứng Miến Điện*” nên vua Càn Long đã tỏ ra rất hứng thú với tài chỉ huy “*từ xa điều khiển*” của mình.

Khi Tôn Sĩ Nghị bị đánh bại trong một chiến dịch chớp nhoáng ngay ngày đầu xuân đã khiến vua Cao Tông hết sức ngỡ ngàng mà triều đình nhà Thanh cũng sửng sốt. Tuy không thể phủ nhận sự thất bại, những bài thơ của vua Càn Long chỉ đề cập phớt qua chiến trường một cách mập mờ và nhấn mạnh đến kết quả là nước ta chịu qui thuận

²⁹ Tranh cổ động theo lối dùng ở trong nước

nên chuyển đi của Nguyễn Quang Hiển nhận sắc ấn phong vương đã biến thành một thắng lợi ngoại giao quan trọng của Thanh triều.

Sau này nhiều sứ bộ khác to lớn hơn, rầm rộ hơn của người Âu Châu cũng không được đón tiếp trọng thể như thế. Nâng cao giá trị của đối phương trong một mặt nào đó cũng là đề cao chính mình.

Nương theo tình hình đó, Nguyễn Huệ đã đổi thái độ, tuy chiến thắng nhưng lại “*cầu hoà*” khiến cho tự ái của vua Càn Long được vuốt ve và không bị mất mặt đối với quần thần. Có lẽ trong lòng ông cũng thâm biết ơn sự tế nhị của vua Quang Trung và Nguyễn Huệ cũng tương kế tựu kế khai thác ưu điểm ngoại giao ông vừa đạt được.

Xem những tờ biểu vua Quang Trung gửi cho vua Càn Long chúng ta có thể hình dung được Đại Việt trở thành một trong những phiên thuộc quan trọng của Trung Hoa trong thời gian đó và Nguyễn Huệ lập tức tiến hành một kế sách khôn ngoan, vừa giữ yên mạn bắc vừa bành trướng thế lực ra ba mặt đông, tây và nam.

Trong quá khứ, hầu như các sử gia Việt Nam chỉ chú trọng đến chiến thắng quân sự mà quên đi phương thức giải quyết hậu chiến của vua Quang Trung. Có lẽ ngay tại thời điểm của thế kỷ 21 hôm nay, người cầm quyền vẫn có thể rút kinh nghiệm về chính sách ngoại giao đời Tây Sơn để tìm ra một đường lối thích hợp hơn cho Việt Nam trong các tương quan quốc tế.

Tháng 4 năm 2005

然非一致八分總可號中豐何裕城秦江西
縣分者四十七屬州縣九分者三秭收成江
約分計通省八分有餘梁肯堂奏河南秋禾
八分者五十九州縣七分以八分者七分上及
十五州縣合計通省約亦八分有七分者三
餘兩省俱獲中豐可為農民慶慰南瞻豈不

共民慶戒滿心殷益惕衷

補詠安南戰圖六律 有序
詢孫士毅安南戰事縷晰以陳因命畫
院各為之圖補詠近體而序之曰

安南戰圖非如伊犁回部金川臺灣之

御製詩五集 卷五

始以戰而終以成功也非以戰成功則
可弗圖而圖之者實緣我將帥之臣軍
旅之士涉遠冒險攻堅破銳更有抱忠
捐軀者不為之圖以紀其績則予何忍
且阮惠之悔罪乞降原因有征斯亦未
嘗非始終一事耳夫有征無戰尚矣戰
而有成功次之子自定伊犁平回部勦
灣之役皆經指授機要戰無不克攻無
不取以成此數大功蓋亂伐暴難言
功偃武則雖不能佑順乃克臻此成

而復變又終於不戰而成功其事當較
於戰而成功者為勝焉阮惠復至黎城
國可謂變出人意然子調福康安再四顧
廣總督仍將集兵聲討迨阮惠再四顧
懇降福康安親察其情形實出不能立誠然後
求情入告子因思黎維朝又不利其土
微情入告子因思黎維朝又不利其土
地即使集兵聲討亦不過歸於不戰而
究未必即服其心則何如不戰而
機是更足於中誠藏功寧如轉為順實
厚耳是豈人力所謀乎

天也藐躬臨莅五十四載受

御製詩五集 卷五

天之祐不一而足而於安南之事復不戰而
成功則予之所感激
鴻臚益深敬畏者當何如間嘗論之使孫士
毅收黎城之後即能銳師至廣南獲阮
惠乎又如孫士毅遵旨早班師雖無許
世亨等三將之捐軀將未至我境而黎
城復失其能不旋師以救之乎又如孫
士毅亦同三武臣之捐軀沙場則士毅
乃督戎重臣傷國體為大不得不興師

問罪是誠佳兵無已時矣且許世亨委
曲護令孫士毅振旅而還使已亦同歸
則更有說乃仍捐軀疆場其知方有勇
為常人所能每一道及為之落淚嘉
尚至孫士毅非不知朕之獎勵功臣賞
延後世設亦捐軀則其公爵必世嚴罔
替人誰不死且本欲衝鋒致命迨聽許
世亨之言以國事為重寧歸而受朕之
罰而朕豈肯不諒其心加以罰哉是二

御製詩五集

卷五

十一

臣者其事不同而心則同茲事機之會
總戎振旅以歸三將令藩國立祠酬忠
且阮惠因有此過而畏罪求降不勞一
旅以定海邦是皆

昊運旋轉默為呵護豈予一人思慮所能及
哉自茲以後益深敬勤靜待

天恩六年歸政夫何敢更生別念乎此補詠
安南戰圖之什所由作也

嘉觀訶詎之戰

孫士毅出鎮南關在諒山分兵兩路一
由枚坡令叅將張純等至嘉觀路會齊
一由江漢令總兵張朝龍等經趨三異
柱右等處嘉觀屯聚多人一聞大兵勢
盛望風驚逸而不從亂之土官率領土
民數百人俯伏投順自此經過嘉觀奮
力勦殺或踞而降或抗而殲或擒而戮
追至訶詎地方山谷峻隘適張朝龍截
其去路會合夾攻勦殺不可勝計

御製詩五集

卷五

十二

河邊求救恤諸莞
鄭旋即佔據黎城以至嗣孫黎維祁出至
上年五月內嗣孫呼求救重臣以聞予
口關外沿河地方號呼求救重臣以聞予
其恭順本朝百數十年即降古從優撫御
令督臣與師致討大
義所關事非得已
無外王師事有征禁旅
不須七萃發總戎惟帥兩疆兵
重臣督率旗兵勁旅至彼征勦于道
遠揀發稽時且該督素稱賢能深堪倚
督許世亨亦才猷夙著因命統原駐各
隘廣西兵四千名添調一千名及撤調
尚維昇等分領前進一萬之數令張朝
即有嘉觀之捷勦人持危治亂原出正
無數先聲固已奪人持危治亂原出正

壺漿多順迎螳臂那當大車轍嘉觀一戰赫先聲

三異柱右之戰

總兵張朝龍統兵三千名內分一千五百名令參將張純帶領從嘉觀前進張朝龍帶一千五百名從三異繞至柱右等處夾攻殲戮奪獲米糧軍械無算生擒兵弁一百餘名而副將慶成另帶兵三百名伏於附近柱右之穎繼地方生擒已降復叛之陳名炳解赴軍營正法

御製詩五集卷五十一

尤強人意

師行二黨叩營門巢近一首逃負恩初孫士南關偽將諒山督潘啟德來降其協鎮陳抵鎮毅加賞給文甚為懼亦即情願歸順孫吳初寄信給潘啟德不為誘而名炳旋即逃回黎城被領兵拘其子仍加復叛情難正旅偏軍窮列寨右抽左旋去勦蠻村

是役雖不資安南一草一木至繫寇長纓那於獲彼資糧正足供軍食也兵三百餘名潛許奔赴要路攔截今慶成預領馬者三人而陳名炳即在內似此反覆之人誠喜國威延世將名勲思克有元孫初慶成之高祖孫思克國可謂無忝家聲

壽昌江之戰

總兵尚維昇副將慶成等帶兵無程前進五鼓至壽昌江時值重霧瀾漫阮兵猝不及防傷死不計其數餘眾拚命逃

御製詩五集卷五十一

竄擠斷浮橋我兵斫竹編筏刻即奪江而前無不餘勇可賈

三江橫亘此為骨固守羣櫻最要津乘霧定

方掩牙帳渡瀘下漏失重垠阮眾滿擬大兵以設寨屯劄希因退保壽昌市球富良三路俱進無從掩襲因退保壽昌市球富良三路以為堅拒之計及高維昇與慶成等連夜乘霧千二名既斷立即斫竹編筏刻即渡江乘霧千二名既斷立即斫竹編筏刻即渡江遂奮勇進剿阮眾所恃之險已奪其頭此牙帳破竹之勢既斷立即斫竹編筏刻即渡江類攻堅悉銳已奪魄砍竹編筏可當聲將

領前驅眾軍奮嘉其同是漢軍人尚維昇乃國初所封

市球江之戰

官兵抵市球江阮眾蟻聚南岸頗有自高壓下之勢以是連日衝奪不能得利孫士毅佯令義民搭蓋浮橋令總兵張朝龍夜半於左邊暗渡抄出彼營之後喊聲震地大兵亦由浮橋渡江夾攻勦殺數千生擒五百餘人

御製詩五集卷五十一

十五

遇險應知罷後攻諭馳未至不期同先是江子之阻馳論孫士毅當地利相持不能速進之處可於上李游密探間道潛渡如田豐之乘間制勝此旨未到之夜半孫士毅奏市球江之捷竟與論能事期統軍素悉田豐策勇將偏而合可稱能事饒李愬雄臨下據高彼頗熾出奇制勝我成功官兵駐劄市球江北岸地形低下勢難仰浮橋及所駕小船衝突前我兵紮校緩不一濟急孫士毅與提督許世亨相商令官兵一入真稱壯既勇知方深惜臧官兵至富良江門戶黎城曰富良彼雖固壘眾倉皇數舟獨

農家小船裹帶乾糧陸續渡復令李化龍以兵五百接應於是官兵度已潛渡有恃無恐勇氣倍增不知張朝龍暗從彼營後喊排牆而進阮眾即渡江分路進黎城將近兵威勦此兵家出奇制勝之道也

富良江之戰

富良江乃黎城門戶阮眾見官兵將至將大小船隻收至南岸江心施放鎗礮我兵不能迅渡孫士毅察看阮兵勢漸潰亂令將弁用農家小船及竹筏於日

御製詩五集卷五十一

十六

間勦殺江心兵眾而於次日五鼓許世亨率二百餘人直至彼岸彼於昏夜之間不辨兵數窘迫無措繼而我兵搶奪數船更番濟渡痛加勦戮并燒沈江心船艘十餘隻全軍渡江黎氏宗族及百姓人等遂開城出降不攻而克

入真稱壯既勇知方深惜臧官兵至富良江門戶黎城曰富良彼雖固壘眾倉皇數舟獨

船及竹筏率兵二百餘人徑渡彼岸繼又起奪船隻更番配載官軍其勇壯之概真為超

衆及阮惠復來孫士毅尚復領兵身先衝敵
幸而許世力為勸阻不致有損國威而許
於是孫士毅命疆場似此勇且知方之賢臣
世不仍即致命疆場似此勇且知方之賢臣
能不惜復國一王仍棄守立祠三將永流芳
加悅許世亨總兵張朝龍尚維昇等臨陣捐
軀國家固已從優議恤賞延於世並令阮惠
於彼處建立祠以祭而阮惠奏請官爵封誥
於彼處建立祠以祭而阮惠奏請官爵封誥
忠魂矣至阮惠再四籲求伏罪歸降實出真
誠發度事機悉屬合理正當從其所請赦過
越加恩事以順成不酬忠撫順遵王道無事佳
兵兆吉祥

阮惠遣姪阮光顯入覲賜宴之圖

御製詩五集 卷五十一

黎維祁復國後不能自立一聞阮惠復
來又即逃奔內地

天厭其德誠非虛語予惟奉

天曷敢違越不值復興兵衛彼復國也嗣據

福康安奏阮惠再四籲懇悔罪歸順出

於至誠予亦不欲為己甚因即允其所

請撤兵阮惠先遣其親姪阮光顯入覲

輸悃並稱明歲當親詣闕廷祝釐因以

乞封昨接表文嘉其情詞真摯急欲得

天朝封號為榮遂即勅封為安南國王
茲阮光顯來至山莊正屆萬壽節令其
一體與宴用示恩榮

誰能不戰屈人兵戰後畏威懷乃誠黎氏可
憐受

天厭阮家應與錫朝禎今秋已自親姪遣明
歲還稱躬已行似此輸誠外邦鮮嘉我那忍
靳恩榮

直隸總督劉峩奏報秋禾收成八分詩

御製詩五集 卷五十一

以誌慰

今年多稼本期豐秋雨失恒粒未充春夏間

澤優霑禾黍均資暢茂原可期普獲豐收至

交秋後雨水乃多顆粒未飽致減分數

茲據劉峩奏永平五府州約收八分有餘

順天等九府州廳約收八分有餘

約收七分有餘通計合屬約收八分有餘

有八分等語是猶可稱中稔也深惜十將

二分減致看禾與黍胥同雖然尚可稱中稔

未敢因之滿一衷低處究憐遭漫溢劉峩並

低窪之處間有被淹浸者因命詳頻煩申諭

查飭屬妥為撫恤毋致一夫失所恤民窮

恤民窮

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Bạch Thảo (dịch). *Cao Tông Thực Lục*, quyển thượng. New Jersey: Thư Ấn Quán, 2004.
2. Hsu, Immanuel C.Y. *The Rise of Modern China*. New York: Oxford University Press, 1975.
3. Lại Phúc Thuận (賴福順). *Càn Long Trọng Yếu Chiến Tranh Chi Quân Nhu Nghiên Cứu* (乾隆重要戰爭之軍需研究) Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1984.
4. Leeb, Von. *Defense* (bản dịch Stefan T. Possony và Daniel Vilfroy) 5th Ed. Pennsylvania: Military Service Publishing Company, 1954.
5. Lý Xuân Quang (李春光) *Thanh Đại Danh Nhân Dật Sự Tập Lãm* (清代名人軼事輯覽). Bắc Kinh: Trung Quốc Xã Hội Khoa Học xb xã, 2004.
6. Nguyễn Quốc Vinh “Góp thêm tư liệu mới về quan hệ chiến sự và ngoại giao Việt – Thanh thời Tây Sơn: Bộ tranh “Bình Định An Nam Chiến Đồ” có thơ đề vịnh bằng ngự bút của vua Càn Long”, Phan Huy Lê (chủ biên): *Các Nhà Việt Nam Học Nước Ngoài Viết Về Việt Nam*. Hà Nội: nxb Thế Giới, 2002.
7. Picard, René. *Les Peintres Jésuites à la Cour de Chine*. Grenoble: Editions des 4 Seigneurs, 1973.
8. Shang, William. “Rediscovering Views of Northern China: Late 18th to 19th Century Winter Scenes”. *Arts of Asia, Volume 35, Number 2* (March-April 2005)
9. Smith, Bradley và Wan-go Weng. *China: A History In Art*. San Diego: Doubleday Windfall, 1972.
10. Temple, Robert. *The Genius of China – 3000 years of science, discovery and invention*. New York: Simon and Schuster, 1986.
11. *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập* (清高宗御製詩文全集)(10 quyển). Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1976.
12. *Thanh Sử Cảo* (清史稿) (48 quyển). Triệu Nhĩ Tốn 趙爾巽 (tuyển). 5th Ed. Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục xuất bản, 1996.

13. The Random House Library of Painting and Sculpture – 4 volumes. New York: Random House, 1981.
14. Trang Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987. (chụp lại bản của Đài Loan Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982)
15. *Trung Quốc Lịch Sử Đại Từ Điển* (中國歷史大辭典) (thượng và hạ). Trịnh Thiên Đỉnh (鄭天挺) (chủ biên). Thượng Hải: Thượng Hải từ thư xb xã, 2000.
16. *Trung Quốc Lịch Sử Địa Đồ Tập* (中國曆史地圖集) (8 cuốn). Đàm Kỳ Tương (譚其驤) (chủ biên). Bắc Kinh: Trung Quốc Địa Đồ xb xã, 1996.